

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP**

**KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022**  
**TP. THỦ DẦU MỘT - TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**TP. Thủ Dầu Một, tháng 10 năm 2021**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP**

**KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022**  
**TP.THỦ DẦU MỘT - TỈNH BÌNH DƯƠNG**

*Ngày ... tháng ... năm 2021*

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**TỈNH BÌNH DƯƠNG**

*Ngày ... tháng ... năm 2021*

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**

# MỤC LỤC

<b>ĐẶT VẤN ĐỀ .....</b>	<b>1</b>
<b>1. Sự cần thiết phải tiến hành lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm.....</b>	<b>1</b>
<b>2. Mục đích, yêu cầu và nội dung lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm.....</b>	<b>2</b>
2.1. Mục đích.....	2
2.2. Yêu cầu.....	2
2.3. Nội dung lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm .....	3
<b>3. Cơ sở để lập kế hoạch sử dụng đất thành phố Thủ Dầu Một năm 2022.....</b>	<b>5</b>
3.1. Cơ sở pháp lý.....	5
3.2. Cơ sở dữ liệu, thông tin .....	6
<b>4. Sản phẩm và giao nộp .....</b>	<b>6</b>
<b>I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - KINH TẾ - XÃ HỘI.....</b>	<b>7</b>
<b>1.1. Điều kiện tự nhiên .....</b>	<b>7</b>
1.1.1. Vị trí địa lý .....	7
1.1.2. Địa hình .....	7
1.1.3. Khí hậu.....	8
1.1.4. Thủy văn.....	8
1.1.5. Tài nguyên đất.....	9
1.1.6. Tài nguyên nước.....	10
1.1.7. Thực trạng môi trường.....	10
<b>1.2. Kinh tế - xã hội.....</b>	<b>11</b>
1.2.1. Thương mại - Dịch vụ.....	11
1.2.2. Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp - Khoa học công nghệ .....	12
<b>1.3. Đánh giá chung.....</b>	<b>19</b>
1.3.1. Kết quả đạt được.....	19
1.3.2. Những khó khăn, hạn chế cần quan tâm.....	20
<b>II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021</b>	<b>22</b>
<b>2.1. Kết quả thực hiện danh mục công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Thủ Dầu Một .....</b>	<b>22</b>
a) Kết quả thực hiện nhóm công trình, dự án có thu hồi đất.....	22
c) Kết quả thực hiện các công trình thu hồi phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất ..	23
e) Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân.....	23

<b>2.2. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2021 .....</b>	<b>24</b>
2.2.1. <i>Kết quả thực hiện đất nông nghiệp.....</i>	24
2.2.2. <i>Kết quả thực hiện đất phi nông nghiệp.....</i>	27
<b>2.3. Đánh giá chung về thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021 .....</b>	<b>28</b>
<b>2.4. Kết quả thực hiện kế hoạch khai thác đất chưa sử dụng .....</b>	<b>30</b>
<b>III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 .....</b>	<b>30</b>
<b>3.1. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực .....</b>	<b>30</b>
3.1.1. <i>Diện tích phân bổ các loại đất trong năm 2022 .....</i>	30
3.1.2. <i>Kế hoạch thu hồi đất năm 2022.....</i>	30
3.1.3. <i>Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022.....</i>	31
<b>3.2. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất .....</b>	<b>32</b>
3.2.1. <i>Các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2022 do cấp tỉnh phân bổ .....</i>	34
3.2.2. <i>Chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp.....</i>	34
3.2.3. <i>Chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp.....</i>	37
3.2.4. <i>Chỉ tiêu đất chưa sử dụng.....</i>	38
3.2.5. <i>Các chỉ tiêu sử dụng đất do cấp huyện xác định. ....</i>	38
<b>3.3. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích .....</b>	<b>43</b>
<b>3.4. Diện tích đất cần thu hồi.....</b>	<b>46</b>
<b>IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT .....</b>	<b>53</b>
4.1. <i>Các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.....</i>	53
4.2. <i>Các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất .....</i>	53
4.3. <i>Trách nhiệm của các ngành, các cấp, các đối tượng quản lý sử dụng đất....</i>	53
<b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....</b>	<b>54</b>
<b>PHỤ LỤC .....</b>	<b>55</b>

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Chỉ tiêu sử dụng đất cấp huyện.....	3
Bảng 2: Tài nguyên đất thành phố Thủ Dầu Một.....	9
Bảng 3: Kết quả thực hiện danh mục công trình năm 2021 .....	23
Bảng 4: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021 .....	25
Bảng 5: Kế hoạch chuyển mục đích thành đất ở của hộ gia đình, cá nhân .....	31
Bảng 6: Biến động các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2022 .....	32
Bảng 7: Công trình giao thông thực hiện năm 2022 .....	34
Bảng 8: Nhu cầu đất ở năm 2022 .....	36
Bảng 9: Kế hoạch sử dụng đất cây lâu năm năm 2022 .....	38
Bảng 10: Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thành phố Thủ Dầu Một.....	40
Bảng 11: Danh mục công trình chuyển mục đích sử dụng đất.....	43
Bảng 12: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 .....	45
Bảng 13: Kế hoạch thu hồi đất năm 2022 thành phố Thủ Dầu Một .....	47
Bảng 14: Danh mục công trình, dự án thu hồi đất năm 2022.....	49

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

HĐND	: Hội đồng nhân dân	TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
UBND	: Ủy ban nhân dân	CP	: Cổ phần
TTHC	: Trung tâm hành chính	TMCP	: Thương mại cổ phần
KP	: Khu phố	TMDV	: Thương mại dịch vụ
VPKP	: Văn phòng khu phố	TTTM	: Trung tâm thương mại
MN	: Mầm non	TTVH	: Trung tâm văn hoá
MG	: Mẫu giáo	TN&MT	: Tài nguyên và Môi trường
TH	: Tiểu học	KHSĐĐ	: Kế hoạch sử dụng đất
THCS	: Trung học cơ sở	QHSĐĐ	: Quy hoạch sử dụng đất
THPT	: Trung học phổ thông	PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam	KDC	: Khu dân cư
KCN	: Khu công nghiệp	TĐC	: Tái định cư
KT-XH	: Kinh tế – xã hội	QP-AN	: Quốc phòng – An ninh

## ĐẶT VẤN ĐỀ

### 1. Sự cần thiết phải tiến hành lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm

Đất đai là tài nguyên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt không thể thay thế được, là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, là địa bàn phân bố dân cư, xây dựng các cơ sở kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng. Quá trình khai thác sử dụng đất đai luôn gắn liền với quá trình phát triển xã hội, xã hội càng phát triển thì nhu cầu sử dụng đất càng cao, trong khi đó đất đai lại có hạn, chính vì vậy việc sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả và bền vững luôn là nhu cầu cấp thiết.

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là công cụ, biện pháp để Nhà nước quản lý, tổ chức sử dụng đất đai có hiệu quả, là một trong những nội dung rất quan trọng trong các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai, là cơ sở pháp lý để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất.

***Theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch):***

- Điều 37 quy định thời kỳ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Khoản 2 quy định “*Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập hàng năm*”.

- Điều 42 quy định trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Khoản 2 quy định “*Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện. Cơ quan quản lý đất đai cấp huyện chủ trì giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp trong việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất*”.

- Khoản 1, Điều 52 quy định căn cứ để giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là “*Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt*”.

- Khoản 4, Điều 49 quy định thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất “*Khi kết thúc kỳ quy hoạch sử dụng đất mà các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất chưa thực hiện hết thì vẫn được tiếp tục thực hiện đến khi quy hoạch sử dụng đất kỳ tiếp theo được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt*”.

Như vậy, việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm có vai trò rất quan trọng, là căn cứ để giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Nội dung lập kế hoạch sử dụng đất cấp thành phố hàng năm là nhằm cụ thể hóa nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, các cấp; xác định khả năng đầu tư, huy động nguồn lực để thực hiện; từ đó xác định diện tích các loại đất cần phải thu hồi để thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

Đặc biệt, thành phố Thủ Dầu Một là trung tâm kinh tế, chính trị của tỉnh Bình Dương, là vùng đô thị - công nghiệp – thương mại – dịch vụ trung tâm có

vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Do đó, việc phân bổ hợp lý, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả cao tài nguyên đất đai phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian tới, đảm bảo hài hòa giữa các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội bền vững của địa phương góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Xác định rõ tầm quan trọng, tính cấp thiết của việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm, được sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cùng với sự giúp đỡ, phối hợp của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tổ chức triển khai lập **“Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thành phố Thủ Dầu Một”** để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai, làm căn cứ pháp lý để đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực và góp phần phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- **Tên dự án:** Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thành phố Thủ Dầu Một.
- Chủ đầu tư: Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Thủ Dầu Một.
- Chủ quản đầu tư: Ủy ban Nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.
- Cơ quan thẩm định: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương.
- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương.

## **2. Mục đích, yêu cầu và nội dung lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm.**

### **2.1. Mục đích**

- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021;
- Đánh giá những ưu nhược điểm trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021;
- Đánh giá nguyên nhân của những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021;
- Phân bổ lại quỹ đất cho các mục đích sử dụng của các ngành, lĩnh vực và các phường cho phù hợp với định hướng phát triển của thành phố, đồng thời đáp ứng nhu cầu, chỉ tiêu sử dụng đất cụ thể năm 2022 và tầm nhìn trong những năm tiếp theo.
- Tạo cơ sở pháp lý và khoa học cho việc thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất đúng pháp luật, đúng mục đích, có hiệu quả; từng bước ổn định tình hình quản lý và sử dụng đất, thúc đẩy đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển đô thị.

### **2.2. Yêu cầu**

- Việc xác định, phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, các cấp theo kế hoạch sử dụng đất phải được cân đối trên cơ sở các chỉ tiêu phân bổ trong quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, nhu cầu sử dụng đất của các ban, ngành, các xã, thị trấn trên cơ sở tiềm năng đất đai của địa phương; đảm bảo khai thác

tiết kiệm, hiệu quả, bền vững nguồn tài nguyên đất đai, tránh bị chòng chéo trong quá trình sử dụng.

- Các nhu cầu sử dụng đất phải được tính toán tổng hợp đến từng công trình, của từng phường, phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và đặc điểm tình hình cụ thể trong năm 2022.

- Bảo đảm mối quan hệ hài hoà giữa khai thác và sử dụng đất để phát triển bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái.

### 2.3. Nội dung lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm

Nội dung lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện được quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.
- Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022.
- Thẩm định, phê duyệt và công bố công khai.

Chỉ tiêu sử dụng đất, mã ký hiệu, loại đất được phân bổ, được xác định, xác định bổ sung trong kế hoạch sử dụng đất cấp huyện như sau:

**Bảng 1: Chỉ tiêu sử dụng đất cấp huyện**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Chỉ tiêu được phân bổ	Chỉ tiêu được xác định	Chỉ tiêu được xác định bổ sung
<b>I</b>	<b>Loại đất</b>				
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	x	0	x
	<i>Trong đó:</i>				
1.1	Đất trồng lúa	LUA	x	0	x
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>x</i>	<i>0</i>	<i>x</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	0	x	0
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	x	0	x
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	x	0	x
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	x	0	x
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	x	0	x
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>x</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0	x	0
1.8	Đất làm muối	LMU	0	x	0
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	0	x	0
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	x	0	0



	<i>Trong đó:</i>				
2.1	Đất quốc phòng	CQP	x	0	0
2.2	Đất an ninh	CAN	x	0	0
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	x	0	0
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	x	0	0
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	x	0	x
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	x	0	x
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	x	0	x
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	0	x	0
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	x	x	0
	<i>Trong đó :</i>				
-	Đất giao thông	DGT	x	x	0
-	Đất thủy lợi	DTL	x	x	0
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	x	x	0
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	x	x	0
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	x	x	0
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	x	x	0
-	Đất công trình năng lượng	DNL	x	x	0
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	x	x	0
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	x	0	0
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	x	0	0
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	x	0	x
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	x	0	0
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	x	0	x
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	0	x	0
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0	x	0
-	Đất chợ	DCH	0	x	0
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	x	0	x
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0	x	0
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0	x	0
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	x	0	x
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	x	0	0
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	x	0	x

2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	x	0	x
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	x	0	0
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	0	x	0
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	0	x	0
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0	x	0
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0	x	0
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>x</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>II</b>	<b>Khu chức năng*</b>				
1	Đất khu công nghệ cao	KCN	x	0	0
2	Đất khu kinh tế	KKT	x	0	0
3	Đất đô thị	KDT	x	0	0
4	Khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)	KNN	x	x	0
5	Khu lâm nghiệp (khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)	KLN	x	x	0
6	Khu du lịch	KDL	x	0	0
7	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT	x	0	0
8	Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)	KPC	x	0	0
9	Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)	DTC	x	0	0
10	Khu thương mại - dịch vụ	KTM	x	x	0
11	Khu đô thị - thương mại - dịch vụ	KDV	0	x	0
12	Khu dân cư nông thôn	DNT	x	x	0
13	Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn	KON	0	x	0

Trong đó: x: được phân bổ, được xác định, được xác định bổ sung.

0: không được phân bổ, không được xác định, không được xác định bổ sung.

\*: không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên.

### **3. Cơ sở để lập kế hoạch sử dụng đất thành phố Thủ Dầu Một năm 2022**

#### **3.1. Cơ sở pháp lý**

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013.
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018.
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ

quy định thi hành chi tiết một số điều của Luật Đất đai.

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 05 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quy hoạch.

- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

- Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về Danh mục công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bình Dương”; và Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 14/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 43/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

- Quyết định số 1176/QĐ-UBND ngày 06/05/2021 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Thủ Dầu Một;

- Quyết định số 2323/QĐ-UBND ngày 8/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc bổ sung công trình, dự án thu hồi đất vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 thành phố Thủ Dầu Một.

### **3.2. Cơ sở dữ liệu, thông tin**

- Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thành phố Thủ Dầu Một đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

- Bản đồ và báo cáo thuyết minh kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thành phố Thủ Dầu Một;

- Kết quả thống kê đất đai năm 2020;

- Cơ sở dữ liệu địa chính thành phố Thủ Dầu Một;

- Quy hoạch chung xây dựng đô thị Thủ Dầu Một;

- Hồ sơ chủ trương các dự án đầu tư trên địa bàn.

### **4. Sản phẩm và giao nộp**

Sản phẩm của dự án lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Thủ Dầu Một được lập thành 06 bộ hồ sơ, mỗi bộ gồm có:

- Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt kế

hoạch sử dụng đất năm 2022 thành phố Thủ Dầu Một.

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thành phố Thủ Dầu Một.

- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thành phố Thủ Dầu Một.

- Đĩa CD ghi các sản phẩm, tài liệu nêu trên.

## **I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - KINH TẾ - XÃ HỘI**

### **1.1. Điều kiện tự nhiên**

#### ***1.1.1. Vị trí địa lý***

Thành phố Thủ Dầu Một là trung tâm hành chính, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của tỉnh Bình Dương, nằm trong hệ thống đô thị thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Cách trung tâm thành phố Hồ Chí Minh khoảng 30km, cách thành phố Biên Hòa khoảng 30km, là một trung tâm kinh tế lớn, là đầu mối giao thông và giao lưu lớn của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước; với các tuyến đường liên tỉnh như Đại lộ Bình Dương (QL13), Mỹ Phước - Tân Vạn, ĐT741, ĐT742, ĐT743, ĐT744, ĐT745; có nhiều tiềm năng về khoa học kỹ thuật và công nghệ, hiện nay thành phố Thủ Dầu Một đang là địa bàn thu hút các nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước.

Địa giới hành chính xác định như sau:

+ Phía Đông: giáp thị xã Tân Uyên.

+ Phía Tây: giáp huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Phía Nam: giáp thành phố Thuận An.

+ Phía Bắc: giáp thị xã Bến Cát và thị xã Tân Uyên.

Thành phố Thủ Dầu Một có diện tích tự nhiên là 11.890,6ha, với 14 đơn vị hành chính.

#### ***1.1.2. Địa hình***

Thành phố Thủ Dầu Một nằm ở vùng chuyển tiếp giữa địa hình cao nguyên với khu vực đồng bằng, do đó địa hình ở đây tương đối phức tạp và nghiêng dần theo hướng Đông Bắc - Tây Nam.

Khu vực phía Bắc có độ cao thay đổi từ 20m đến 39m so với mực nước biển và thấp dần về phía sông Sài Gòn. Vùng giữa tương đối bằng phẳng, cao độ thay đổi từ 10m ÷ 15m so với mực nước biển, vùng ven sông Sài Gòn có độ cao khoảng 0,6m ÷ 2,0m so với sông Sài Gòn.

### 1.1.3. Khí hậu

Tỉnh Bình Dương nói chung và thành phố Thủ Dầu Một nói riêng đều mang đặc trưng khí hậu gió mùa nhiệt đới cận xích đạo, với những đặc trưng sau:

- Trong năm có 02 kiểu mùa rõ rệt: Mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 và mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11.

Theo số liệu tại trạm Sở Sao đo được:

- **Chế độ bức xạ:** Bức xạ hàng năm dồi dào, tương đối ổn định và ít biến động giữa các mùa. Bức xạ tổng cộng hàng tháng đạt: 10,2+14,2 Kcal/cm<sup>2</sup>/năm.
- **Giờ nắng:** Số giờ nắng trong năm khoảng 2.401-2.700 giờ.
- **Nhiệt độ không khí:** Nhiệt độ trung bình hằng năm: 25°C - 27°C.
- **Chế độ mưa:** Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 kết thúc vào tháng 11.
  - Lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 1.850mm.
  - Số ngày mưa trung bình trong năm là: 113 ngày.
- **Độ ẩm:** Độ ẩm thấp nhất khoảng 35-45% vào các tháng mùa khô và cao nhất khoảng 65-80% vào các tháng mùa mưa.

### 1.1.4. Thủy văn

Thành phố Thủ Dầu Một có mạng lưới sông ngòi, ao, hồ khá phong phú. Sông Sài Gòn chảy qua địa bàn thành phố là nguồn cung cấp nước chủ yếu cho sinh hoạt, sản xuất và tưới tiêu đối với diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn.

Chế độ thủy văn của sông Sài Gòn tại Thủ Dầu Một như sau:

- Mức nước cao nhất theo tần suất:

$$P = 1\% \quad h_{\max} = 1,33 \text{ m}$$

$$P = 5\% \quad h_{\max} = 1,28 \text{ m}$$

$$P = 10\% \quad h_{\max} = 1,26 \text{ m}$$

- Mức nước thấp nhất theo tần suất:

$$P = 75\% \quad h_{\max} = -2,32 \text{ m}$$

$$P = 90\% \quad h_{\max} = -2,46 \text{ m}$$

- Biên độ mực nước trung bình của sông Sài Gòn: Mùa khô: 1,8m - 2,0m;

Mùa mưa: 2,0m – 2,5m. Mùa nước lũ lịch sử năm 1972:  $h_{\max} = 1,95\text{m}$ .

### 1.1.5. Tài nguyên đất

Theo kết quả điều tra thoái hóa đất tỉnh Bình Dương do Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện năm 2015 trên địa bàn thành phố có các nhóm đất chính sau:

**Bảng 2: Tài nguyên đất thành phố Thủ Dầu Một**

TT	Tên đất		Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tên Việt Nam (Bộ NNPTNT, 1984)	Tên quốc tế Theo WRB (1998) (*)			
<b>I</b>	<b>Nhóm đất phèn</b>				
1	Đất phèn tiềm tàng sâu	Umbric Gleyic Fluvisols (Endoprotolithic)	Sp2	320	2,69
<b>II</b>	<b>Nhóm đất xám bạc màu</b>				
2	Đất xám Gley	Umbric Gleyic Acrisols	Xg	316	2,66
<b>III</b>	<b>Nhóm đất đỏ vàng</b>				
3	Đất nâu vàng trên phù sa cổ	Haplic Acrisols (Chromic)	Fp	10.341,8	86,97
<b>IV</b>	<b>Nhóm đất dốc tụ</b>				
4	Đất dốc tụ	Umbric Gleysols (Colluvic)	D	538	4,52
<b>IV</b>	<b>Nhóm đất khác</b>				
5	Đất sông suối, mặt nước chuyên dùng	Rivers, ponds, lakes	MN	374,8	3,15
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH</b>			<b>11.890,6</b>	<b>100,0</b>

(Nguồn: Điều tra thoái hóa đất tỉnh Bình Dương, 2015)

- Đất phèn: Diện tích 320ha, phân bố chủ yếu ven sông Sài Gòn nằm trên địa bàn các phường: Chánh Mỹ, Tân An và Chánh Nghĩa. Hiện tại trên loại đất này đã được khai thác trồng các loại cây ăn trái. Nếu được đầu tư đồng bộ và có biện pháp cải tạo thì cây trồng sẽ phát triển tốt.

- Đất xám: Diện tích 316ha, chủ yếu là đất xám gley, phân bố chủ yếu ở phía Nam (giáp thị xã Thuận An).

- Đất đỏ vàng: Diện tích 10.341,8ha, đây là nhóm đất chiếm phần lớn diện tích đất của thành phố, trong nhóm đất này chủ yếu là đất nâu vàng trên phù sa cổ, rất thích hợp với trồng các loại cây ngắn ngày.

- Đất dốc tụ: Diện tích 538ha, phân bố chủ yếu dọc suối Giữa, suối Mắt Mèo. Loại đất này được hình thành từ các địa hình thấp trũng bởi các sản phẩm bồi tụ từ núi đồi, phẫu diện đất thường không đồng nhất.

- Nhóm đất khác: Diện tích 374,8ha chủ yếu là diện tích đất sông suối, kênh rạch và mặt nước chuyên dùng trên địa bàn Thủ Dầu Một.

Nhìn chung, đất đai của Thủ Dầu Một có độ dốc không lớn nên ít tốn kém cho việc san ủi mặt bằng, phần lớn đất trên địa bàn được phát triển trên phù sa cổ và hình thành tại chỗ nên rất phù hợp với sản xuất nông nghiệp và có nền đất xây dựng vững chắc, giảm nhẹ chi phí gia cố nền móng khi xây dựng công trình.

#### **1.1.6. Tài nguyên nước**

##### **a. Nước mặt**

Thành phố Thủ Dầu Một có các nguồn nước mặt phong phú và có giá trị về cấp nước sinh hoạt và sản xuất. Sông Sài Gòn với lưu lượng lớn nhất là 4.200m<sup>3</sup>/s, thấp nhất là 20m<sup>3</sup>/s. Trên địa bàn thành phố có công trình cấp nước sinh hoạt lấy nước từ sông Sài Gòn là nhà máy nước thành phố Thủ Dầu Một với công suất 35.000m<sup>3</sup>/ngày. Ngoài ra còn có các sông rạch: Suối Giữa, rạch Cầu Vàng, rạch Bình Điền, suối Dốc Dài,...

Tuy nguồn nước mặt phong phú nhưng do ảnh hưởng của chế độ mưa và thủy triều nên dòng chảy nước mặt phân làm 02 mùa rõ rệt: Mùa mưa và mùa khô, vào mùa mưa dòng chảy chiếm từ 80% - 90% tổng lượng nước chảy hàng năm. Việc phân bố dòng chảy không đồng đều trong năm gây bất lợi cho việc sử dụng nguồn nước mặt trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là nuôi trồng thủy sản.

##### **b. Nước ngầm**

Thành phố Thủ Dầu Một nằm trong khu vực có lượng nước dưới đất khá dồi dào và có chất lượng tốt của tỉnh Bình Dương. Theo tài liệu của Liên đoàn Địa chất 802, khả năng khai thác nước dưới đất trên địa bàn Thành phố Thủ Dầu Một có thể đáp ứng đạt 100.000m<sup>3</sup>/ngày. Lưu lượng giếng khai thác công nghiệp có thể đạt trên 50m<sup>3</sup>/giờ nhưng nước có tính acid rõ rệt (pH thường nhỏ hơn 5), có độ ăn mòn lớn. Mực nước tĩnh xuất hiện ở độ sâu 15m-20m đối với khu vực Phú Lợi độ hạ thấp 20-30m. Nước dưới đất tồn tại ở 2 dạng có áp và không áp. Tầng khai thác hiện nay của các giếng ở độ sâu 55-90m là tầng nước có áp. Tại đây nước dưới đất được chứa trong các tầng đá chủ yếu sau: tầng chứa nước bờ rời (pleistocen giữa –trên, Pleistocen dưới, pliocen giữa và pliocen dưới) và 1 tầng chứa nước trong đá gốc Mesozoi (ms)

#### **1.1.7. Thực trạng môi trường**

Do tốc độ phát triển nhanh của đô thị nên hiện nay đã nảy sinh một số vấn đề về môi trường như sau:

+ Một phần nước thải sinh hoạt của người dân ở phía Tây như phường Tân An, phường Chánh Mỹ, phường Tương Bình Hiệp, phường Hiệp An đổ ra các kênh, rạch và đổ ra sông Sài Gòn. Rạch Ông Đảnh là trực thoát nước cho khu vực phía Bắc; rạch Thầy Năng thoát nước cho các đường phố nội ô; rạch Thủ Ngũ, rạch Bà Lụa thu nhận nước từ phía Nam và phía Đông của Thủ Dầu Một.

+ Sự phát triển các cơ sở kinh doanh và các phương tiện vận tải, giao lưu hàng hoá tăng, nên ô nhiễm khói, bụi, tiếng ồn ngày càng gia tăng.

+ Những khu vực nội thành nguồn nước thải đều được thu gom để xử lý tập trung, hiện tại nguồn nước thải của thành phố thu gom tỷ lệ ngày càng cao; Hệ thống công viên cây xanh, cây xanh trong khu dân cư được thành phố Thủ Dầu Một đặc biệt quan tâm và chú trọng phát triển, hệ thống cây xanh trong khu dân cư với mục đích tạo cảnh quan sống, cải thiện môi trường sống, điều hòa không khí.

Môi trường đô thị của Thành phố đã được quan tâm xử lý, đặc biệt là chất thải rắn được thu gom chuyên về Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương. Với thực trạng cảnh quan môi trường của thành phố như trên, cùng với quá trình khai thác các nguồn lợi một cách hợp lý để phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống cho dân cư của Thành phố thì việc tái tạo cảnh quan, làm giảm thiểu sự ô nhiễm môi trường đảm bảo cho phát triển lâu bền là vô cùng quan trọng. Vì vậy, trong tương lai phải có biện pháp kịp thời nhằm xây dựng một hệ sinh thái môi trường bền vững.

## **1.2. Kinh tế - xã hội**

Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 23/6/2020 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ thành phố Thủ Dầu Một lần thứ XII (nhiệm kỳ 2020-2025), UBND thành phố cơ bản triển khai đạt hiệu quả các nội dung có liên quan; trong đó ước đạt 9/44 chỉ tiêu, 12/44 chỉ tiêu có kết quả tích cực, 23/44 chỉ tiêu chưa có kết quả cụ thể.

Thực hiện Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của HĐND thành phố về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, trong 6 tháng đầu năm, UBND thành phố đã triển khai thực hiện ước đạt 10/46 chỉ tiêu, 8/46 chỉ tiêu đạt kết quả tích cực, 7/46 đạt kết quả khá, 21/46 chỉ tiêu chưa có kết quả cụ thể.

Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, UBND thành phố đã xây dựng và triển khai các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2021; đến nay ước thực hiện đạt 14/58 chỉ tiêu, 11/58 chỉ tiêu đạt kết quả tích cực, 7/58 đạt kết quả khá, 26/58 chỉ tiêu chưa có kết quả cụ thể. Kết quả đạt được trên từng lĩnh vực như sau:

### **1.2.1. Thương mại - Dịch vụ**

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 91.519,2 tỷ đồng, tăng 12,31% so cùng kỳ, đạt 37,83% kế hoạch. Chỉ số giá tiêu dùng tăng 2,48% so với cùng kỳ, thị trường hàng hóa được ổn định, đa dạng, đảm bảo cung ứng hàng hóa cho người tiêu dùng. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid-19 nên sức mua trên thị trường giảm, chủ yếu tập trung mua các mặt hàng thiết yếu nên giá cả hàng hóa có tăng nhẹ ở một số mặt hàng như: khẩu trang,



dung dịch nước sát khuẩn, lương thực, thực phẩm. Công tác quản lý thị trường tiếp tục được triển khai thực hiện đạt hiệu quả, phát hiện và xử lý 50 trường hợp vi phạm về hàng cấm, hàng lậu, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ,...

Thực hiện cấp mới 885 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với tổng số vốn 212 tỷ 312 triệu đồng.

Triển khai rà soát, đánh giá tình hình về công tác quản lý chợ Thủ Dầu Một; tham mưu và trình UBND tỉnh ban hành Quyết định thành lập Tổ rà soát, kiểm tra hồ sơ liên quan đến chợ Thủ Dầu Một; tiếp tục xây dựng phương án cải tạo, sửa chữa, xây dựng mới chợ Thủ Dầu Một.

Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình số 18-CTr/TU, ngày 30/12/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy Thủ Dầu Một về phát triển dịch vụ chất lượng cao giai đoạn 2020-2025; trong đó tập trung phát triển các dịch vụ có tiềm năng lớn với chất lượng cao trong nhiều lĩnh vực về tài chính, ngân hàng, bưu chính - viễn thông, công nghệ thông tin, dịch vụ giao thông vận tải, dịch vụ nhà ở, phát triển đô thị và các loại hình dịch vụ chất lượng cao đã được quy hoạch, phê duyệt.

### **1.2.2. Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp - Khoa học công nghệ**

Ước giá trị sản xuất công nghiệp đạt 23.886,6 tỷ đồng, tăng 11,9% so với cùng kỳ, đạt 40,89% kế hoạch.

Triển khai thực hiện tiết kiệm điện và hưởng ứng tham gia Chiến dịch giờ trái đất đến các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố; đến nay có 65/80 cơ quan thực hiện đăng ký phương án sử dụng tiết kiệm điện với tổng số lượng điện đăng ký tiết kiệm là 256.784 KW. Phối hợp Điện lực Thủ Dầu Một và Điện lực Trung tâm tổ chức khảo sát, kiểm tra, nhắc nhở các tổ chức, cá nhân có công trình xây dựng nhà ở dưới đường dây điện 22KV phải đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định.

Tiếp tục thực hiện các thủ tục triển khai Đề án “Bảo tồn duy trì và phát triển làng nghề Sơn mài Tương Bình Hiệp kết hợp với du lịch thuộc địa bàn thành phố Thủ Dầu Một” (*đang hoàn thiện hồ sơ phương án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu Làng nghề Sơn mài Tương Bình Hiệp trình xin ý kiến thành viên Ban chỉ đạo Đề án tỉnh để làm cơ sở lập hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu phường Tương Bình Hiệp*).

Đăng ký đặt hàng nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp tỉnh năm 2021 chuyển Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Dương xem xét, thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với Đề tài: “*Bảo tồn và phát triển làng nghề sơn mài truyền thống dựa trên nền tảng các công nghệ mới*”; xây

dựng và triển khai kế hoạch thực hiện áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 tại UBND thành phố Thủ Dầu Một năm 2021.

### **1.2.3. Nông nghiệp đô thị - Phòng chống thiên tai**

Tham mưu Ban Thường vụ Thành ủy Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 04-KH/TU ngày 28/12/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Dương về việc triển khai thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh lương thực Quốc gia đến năm 2030 với mục tiêu xây dựng nông nghiệp đô thị phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn có năng suất, chất lượng, an toàn, hiệu quả và có khả năng cạnh tranh cao trên cơ sở phát huy tối đa lợi thế của từng vùng; bảo đảm an ninh lương thực, cung cấp đầy đủ, đa dạng, an toàn các loại thực phẩm với chất lượng ngày càng cao, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, góp phần bảo đảm nâng cao đời sống nhân dân, ổn định chính trị, xã hội trong mọi tình huống. Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp thành phố Thủ Dầu Một giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; trong đó, tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững với nhiều thành phần kinh tế; gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển đô thị theo quy hoạch, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai.

Xây dựng và triển khai Kế hoạch phòng chống thiên tai năm 2021 và giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn thành phố; tiếp tục triển khai thi công các công trình nạo vét, gia cố, lấp đặt lan can, hệ thống chiếu sáng trang trí ven kênh rạch, đến nay đã hoàn thành 04 công trình, 05 công trình đang thi công, 05 công trình triển khai đấu thầu thi công. Tổ chức Lễ phát động “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” và trồng cây phân tán năm 2021 trên địa bàn thành phố, với số lượng cây trồng phân bổ là 2.250 cây Sao, Dầu, đến nay đã hoàn thành công tác trồng cây theo kế hoạch đề ra.

Triển khai công tác tiêm phòng vắc-xin trên gia súc, động vật nuôi, đến nay đã tiêm được 6.450/11.680 liều vắc-xin, đạt tỷ lệ 55,22% kế hoạch. Phối hợp kiểm tra tình hình chăn nuôi, buôn bán, vận chuyển, giết mổ gia súc, gia cầm và vệ sinh thú y tại một số chợ, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thành phố; phát hiện và xử lý 45 trường hợp vi phạm.

### **1.2.4. Kinh tế tập thể**

Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho 47 hợp tác xã, 01 chi nhánh hợp tác xã hoạt động. Tham mưu trình Ban Chỉ đạo Đổi mới và phát triển kinh tế tập thể thành phố xem xét, ban hành Kế hoạch kiểm tra tình hình hoạt động của Ban Chỉ đạo

kinh tế tập thể phường và tình hình triển khai thi hành Luật Hợp tác xã trên địa bàn thành phố năm 2021 (*dự kiến tổ chức kiểm tra trong Quý III/2021*).

### **1.2.5. Tài nguyên - Môi trường - Tài sản công**

Triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021; xây dựng quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố theo quy định, đến nay đã hoàn thiện dự thảo báo cáo tổng thể về quy hoạch và đang triển khai lấy ý kiến nhân dân trước khi trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định.

Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu (*cấp bổ sung*) cho 39 trường hợp với tổng diện tích 1,6 ha. Chính lý biến động 1.143 lượt hồ sơ với diện tích 27,53 ha, giải quyết 250 hồ sơ dịch chuyển vị trí đất ở với tổng diện tích 1,95 ha và kiểm tra, xử lý 44 trường hợp không thực hiện đăng ký biến động theo quy định.

Tiếp tục rà soát 13 kênh, rạch trên địa bàn thành phố để triển khai cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước theo Quyết định số 3026/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Bình Dương; kết quả rà soát: 08/13 kênh, rạch đã có bờ kè bê tông, mốc giới; do đó thành phố triển khai thành lập Hội đồng thẩm định phương án thi công cắm mốc hàng lang bảo vệ nguồn nước đối với 05/13 kênh, rạch còn lại.

Xây dựng và triển khai kế hoạch bảo vệ môi trường năm 2021, kế hoạch thực hiện công tác đầu nối nước thải trên địa bàn thành phố giai đoạn 2021-2025, đến nay đã thực hiện đầu nối đạt tỷ lệ 75,44%.

Tổ chức kiểm tra, giám sát và xử lý rác thải tồn đọng tại các khu đất trống trên tuyến đường Đại lộ Bình Dương, Mỹ Phước - Tân Vạn và triển khai các giải pháp giải quyết các khó khăn, vướng mắc, tồn tại trong quá trình thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại địa phương.

Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý và vận động chuyển đổi ngành nghề đối với các cơ sở kinh doanh phế liệu trên địa bàn thành phố; đến nay, thành phố đã xử lý dứt điểm các trường hợp kinh doanh phế liệu không đúng quy định, UBND thành phố đã ban hành quyết định xử phạt, hiện UBND phường Hiệp Thành, Phú Lợi đang thực hiện các trình tự thủ tục buộc cơ sở ngưng hoạt động.

Trình và được UBND tỉnh phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trên địa bàn thành phố (đợt 1) theo hướng giữ lại, tiếp tục sử dụng 102 cơ sở, điều chuyển 01 cơ sở và 05 cơ sở nhà, đất, tạm giữ lại tiếp tục sử dụng.

### **1.2.6. Ngân sách**

Ước tổng thu ngân sách nhà nước từ phát triển kinh tế - xã hội là 5.552 tỷ 189 triệu đồng; trong đó: ước thu ngân sách nhà nước theo chỉ tiêu dự toán tính và Nghị quyết HĐND thành phố giao đạt 2.350 tỷ 646 triệu đồng, đạt tỷ lệ 50%;

ước thu ngân sách nội địa do thành phố quản lý là 2.301 tỷ 490 triệu đồng, đạt 49% so với chỉ tiêu dự toán tỉnh giao và Nghị quyết HĐND thành phố. Nợ đọng thuế do thành phố quản lý tính đến ngày 31/5/2021 là 232 tỷ 791 triệu đồng, tăng 29% so với đầu năm và giảm 40% so với cùng kỳ.

*(Ước tổng chi ngân sách là 872 tỷ 577 triệu đồng, đạt 40% so với chỉ tiêu dự toán tỉnh giao và Nghị quyết HĐND thành phố).*

### **1.3. Xây dựng và phát triển đô thị**

#### **1.3.1. Công tác quy hoạch và xây dựng kế hoạch**

Trình và được UBND tỉnh phê duyệt: Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu chức năng tỷ lệ 1/2000 phường Định Hòa, phường Phú Cường, phường Phú Hòa; chủ trương thực hiện lập Nhiệm vụ và Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung đô thị Thủ Dầu Một đến năm 2040; chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Khu nhà ở Thương mại, dịch vụ Sabinco - Tương Bình Hiệp.

Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc dự án Lập nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 của 12/14 phường; phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu chung cư Phú Thọ Quốc Cường; chấp thuận cho Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt được nghiên cứu quy hoạch tại 04 khu vực phát triển đô thị trên địa bàn phường Phú Hòa, Chánh Nghĩa, Tương Bình Hiệp.

#### **1.3.2. Đầu tư xây dựng**

Trong 6 tháng đầu năm, tổng giá trị khối lượng thực hiện và giá trị cấp phát là 646 tỷ 631 triệu đồng/1.177 tỷ 290 triệu đồng (*tăng 261 tỷ 103 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2020*), đạt 55% kế hoạch (*tăng 19% so với cùng kỳ năm 2020*). Trong đó: nguồn vốn tỉnh quản lý là 535 tỷ 727 triệu đồng/890 tỷ 200 triệu đồng, đạt 60% so kế hoạch, nguồn vốn thành phố quản lý là 110 tỷ 904 triệu đồng/287 tỷ 090 triệu đồng, đạt 39% kế hoạch.

Đã thi công hoàn thành 08 công trình; đang tiếp tục triển khai thi công 18 công trình và triển khai đấu thầu 06 dự án.

#### **1.3.3. Bồi thường, giải phóng mặt bằng**

Ban hành 1.871 Quyết định thu hồi đất của 08 công trình. Chi bồi thường hỗ trợ cho 1.583 hồ sơ của 09 công trình với tổng số tiền 1.249 tỷ 293 triệu đồng.

Tổ chức vận động được 390 hộ dân đồng ý giải tỏa, bàn giao mặt bằng của 07 công trình.

#### **1.3.4. Quản lý đô thị**

Đảm bảo thực hiện cấp phép xây dựng và cấp mới số nhà theo quy định và bước đầu triển khai cấp phép xây dựng trực tuyến.

Công tác chỉnh trang đô thị, vệ sinh đô thị, chăm sóc cây xanh, trồng hoa tươi trang trí đường phố, công viên... được quan tâm thực hiện tốt, đảm bảo mỹ quan đô thị, vệ sinh môi trường, an toàn giao thông, nhất là trong dịp Lễ, Tết và các sự kiện chính trị năm 2021; xây dựng hoàn thành 09 công viên, hoa viên, đang triển khai thực hiện 05 công viên, hoa viên.

Đang triển khai thực hiện các thủ tục thi công công trình: Thay đổi đèn tín hiệu giao thông và sơn gờ giảm tốc tại các giao lộ trên đường Nguyễn Thị Minh Khai; xử lý ngập nước khu vực vòng xoay giao lộ đường Nguyễn Văn Trỗi - đường Trương Định.

Thực hiện các thủ tục tiếp nhận cơ sở hạ tầng đường vào Trung tâm Hành chính tập trung tỉnh, cơ sở hạ tầng khu 4,8 ha của Khu tái định cư thuộc Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của nhà nước. Triển khai lắp đặt thay thế, bổ sung 1.891/2.255 biển báo giao thông đường bộ cần phải thay thế theo quy chuẩn của Bộ Giao thông vận tải (*đạt tỷ lệ 83,85%*).

Công tác duy tu, sửa chữa, cải tạo vỉa hè, hệ thống thoát nước, nạo vét hồ ga, mương thoát nước được quan tâm chỉ đạo thực hiện, đảm bảo tiêu thoát nước trong mùa mưa.

#### **1.4. Văn hóa - xã hội**

##### **1.4.1. Văn hóa - thông tin - thể thao - truyền thanh**

Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền, phát thanh phục vụ nhiệm vụ chính trị, các hoạt động mừng Đảng, mừng Xuân, chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc và bầu cử biểu Quốc hội và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19, mở mới chuyên mục “*Văn hóa - sự kiện - con người Việt Nam và quê hương Đất Thủ*”. Kiểm tra việc đăng ký, triển khai thực hiện Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” tại các phường. Đồng thời chỉ đạo tạm ngưng các hoạt động tổ chức họp mặt, lễ hội, biểu diễn văn hóa, văn nghệ... trong thời điểm xảy ra dịch bệnh Covid-19.

Tổ chức kiểm tra việc treo Quốc kỳ trong dịp Lễ, Tết, chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc và bầu cử biểu Quốc hội và HĐND các cấp với tỷ lệ bình quân đạt 98%; tổ chức rà soát, thực hiện tháo dỡ băng-rôn, quảng cáo, rao vặt trái phép trên địa bàn thành phố; triển khai nhắc nhở các cơ sở kinh doanh trên địa bàn thành phố tạm dừng hoạt động để phòng chống dịch Covid-19 theo quy định.

Phối hợp 04 đơn vị cung cấp giải pháp truyền thanh thông minh và triển khai lắp đặt thử nghiệm hệ thống truyền thanh công nghệ thông tin viễn thông trên địa bàn các phường. Hoàn thành hồ sơ và trình Hội đồng tư vấn đặt đôi tên đường tỉnh thông qua tên của 26 tuyến đường khu đô thị mới thuộc khu liên hợp công nghiệp - dịch vụ - đô thị và đặt tên Công viên Thủ Dầu Một.

Tiếp tục triển khai tiếp nhận, hướng dẫn xử lý và trả lời phản ánh của tổ chức, cá nhân thông qua hệ thống đường dây nóng 1022 theo quy định.

Tổ chức 02 hội thi văn nghệ, tham gia 02 hội thi văn hóa, văn nghệ, 05 giải thể thao cấp tỉnh đạt nhiều thành tích cao. Do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid-19, chỉ có 07 phường tổ chức khai mạc và triển khai các hoạt động Đại hội thể dục thể thao, các phường còn lại thực hiện thi đấu các môn thể thao theo kế hoạch nhưng vẫn đảm bảo tốt công tác phòng dịch theo quy định. Thành phố đang chuẩn bị các nội dung, phương án triển khai Đại hội thể dục thể thao của thành phố tùy theo điều kiện thực tế.

#### **1.4.2. Giáo dục - Đào tạo**

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và học tập, nhất là công tác triển khai học tập trực tuyến trong thời điểm xảy ra dịch bệnh Covid-19 đã góp phần hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh củng cố kiến thức và hoàn thành chương trình học năm 2020-2021 theo quy định; kết quả: 100% trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non, 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học và 97,34% học sinh trung học cơ sở tốt nghiệp.

Triển khai các hoạt động truyền truyền về đổi mới sách giáo khoa trong năm học 2021-2022 đối với khối lớp 1, lớp 2 và lớp 6.

Tạo điều kiện thuận lợi cho các em học sinh tham gia cuộc thi khoa học - kỹ thuật do Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động, thành phố Thủ Dầu Một có 02 học sinh đạt giải nhất cấp tỉnh, giải IV cấp quốc gia năm học 2020-2021 với đề tài “*Thiết bị đo thân nhiệt và khử khuẩn tự động kết hợp điểm danh thông minh*” và được Ban Chấp hành Trung ương Đoàn tặng bằng khen.

Triển khai tổ chức các Hội thi do thành phố tổ chức: Giáo viên dạy giỏi, Cấp dưỡng nấu ăn giỏi, Giáo viên chủ nhiệm giỏi, Hội khỏe Phù Đổng học sinh thành phố... và tuyển chọn, cử Học sinh, Giáo viên, Cấp dưỡng có thành tích tốt tham gia cuộc thi cấp tỉnh đạt nhiều thành tích cao.

#### **1.4.3. Chăm sóc sức khỏe nhân dân**

Đảm bảo triển khai tốt công tác trực cấp cứu và phục vụ khám chữa bệnh ban đầu cho nhân dân trên địa bàn thành phố. Tăng cường các hoạt động rà soát, xử lý dịch bệnh; trong 6 tháng đầu năm trên địa bàn thành phố có 26 trường hợp nhiễm bệnh Covid-19 và các trường hợp có yếu tố dịch tễ liên quan khác; thành phố đã khẩn trương chỉ đạo điều tra dịch tễ, truy vết các trường hợp có nguy cơ lây nhiễm, triển khai phương án phong tỏa, khoanh vùng y tế tạm thời phòng chống dịch trên địa bàn 09 phường, buộc đóng cửa tạm thời các địa điểm mà bệnh nhân Covid-19 đã đi qua, phun hóa chất khử trùng tất cả các địa điểm có ca nhiễm bệnh và ca nghi ngờ F1. Hiện thành phố đã hoàn thành truy vết các trường

hợp liên quan đến bệnh nhân 1843, bệnh nhân 7059, tình hình dịch bệnh cơ bản được kiểm soát và tiếp tục duy trì khoanh vùng y tế tạm thời tại một số khu vực trên địa bàn thành phố, áp dụng Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn 04 phường và áp dụng Chỉ thị 15/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn các phường còn lại và tiến hành truy vết, điều tra dịch tễ đối với các trường hợp còn lại. Đồng thời, thành phố đã tổ chức Hội nghị tuyên dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp trong công tác thiện nguyện về phòng, chống Covid-19 trên địa bàn thành phố để động viên, khuyến khích tiếp tục phát huy tinh thần tương thân tương ái của các mạnh thường quân; tổ chức Hội nghị đánh giá rút kinh nghiệm trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 để hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ được giao.

Thành lập thêm 07 khu cách ly y tế tập trung với 1.454 giường bệnh; lũy kế đến nay được 13 khu cách ly y tế tập trung với 2.815 giường bệnh, hiện thành phố đang chăm sóc 497 trường hợp cách ly tại 05 khu cách ly y tế tập trung.

Công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm tiếp tục được quan tâm thực hiện, không để xảy ra trường hợp ngộ độc thực phẩm trên địa bàn thành phố. Tổ chức Hội nghị triển khai “*Tháng hành động vì an toàn thực phẩm*” năm 2021 với chủ đề “*Đảm bảo an toàn thực phẩm, phòng ngừa ngộ độc thực phẩm trong tình hình bình thường mới*”. Triển khai kiểm tra liên ngành an toàn thực phẩm, kiểm tra chuyên ngành hành nghề y dược tư nhân đối với 60 cơ sở, phát hiện và xử lý 14 trường hợp vi phạm theo quy định.

Trình UBND tỉnh xin chủ trương cho UBND thành phố được sử dụng một phần diện tích đất trụ sở Bệnh viện đa khoa tỉnh (*sau khi bệnh viện này di dời về địa điểm mới*) để xây dựng mới Trung tâm Y tế thành phố.

#### **1.4.4. Lao động - việc làm, an sinh và phúc lợi xã hội**

Giải quyết đúng, đủ các chế độ chính sách ưu đãi, bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo, giải quyết việc làm; đã tiếp nhận và giải quyết 320 hồ sơ chính sách các loại; đã giải quyết trợ cấp bảo trợ xã hội theo quy định cho 30.615 lượt đối tượng với tổng số tiền 20 tỷ 110 triệu 800 ngàn đồng; thành lập các đoàn lãnh đạo đi thăm, tặng quà đối tượng chính sách, đối tượng xã hội nhân các dịp lễ, tết, chúc thọ, mừng thọ trên địa bàn thành phố với tổng số tiền 421,8 triệu đồng. Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh trao tặng quà cho 40 người khuyết tật tiêu biểu có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Ngày Người khuyết tật Việt Nam.

Thực hiện giải ngân vốn vay mới cho các đối tượng với tổng số tiền 118 tỷ 956 triệu đồng. Phối hợp giải quyết 02 vụ tranh chấp lao động tập thể trên địa bàn thành phố; hỗ trợ 1.500 công nhân có hoàn cảnh khó khăn bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 với tổng số tiền 750 triệu đồng. Phối hợp giới thiệu, giải quyết việc làm cho 2.890/6.000 lao động, đạt tỷ lệ 48,2% so với chỉ tiêu kế hoạch.

### **1.3. Đánh giá chung**

#### **1.3.1 Kết quả đạt được**

Tình hình kinh tế - xã hội của thành phố gặp nhiều khó khăn, thách thức do ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh Covid-19 và thành phố tiếp tục duy trì theo định hướng đã đề ra là vừa thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19, vừa duy trì và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương; qua đó cơ bản đạt được một số kết quả như sau:

Công tác phòng, chống và kiểm soát dịch bệnh Covid-19 luôn được thành phố quan tâm chỉ đạo rà soát, nắm tình hình và xây dựng các phương án ứng phó với dịch bệnh; kịp thời triển khai phong tỏa, khoanh vùng y tế tạm thời và thực hiện các biện pháp đóng cửa tạm thời các địa điểm mà bệnh nhân Covid-19 đã đi qua. Công tác kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm về phòng chống dịch được triển khai thực hiện quyết liệt, tập trung ra quân kiểm tra hàng ngày để kịp thời nhắc nhở, xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định; qua đó, góp phần tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan hữu quan và hạn chế dịch bệnh lây lan ngoài cộng đồng. Bên cạnh đó, trong thời điểm xảy ra dịch bệnh Covid-19, tinh thần thiện nguyện, tương dân tương ái vì cộng đồng của người dân thành phố tiếp tục được phát huy mạnh mẽ, nhiều mạnh thường quân đã đóng góp sức người, sức của cho công tác phòng chống dịch Covid-19, đặc biệt là sự góp sức hết sức ý nghĩa cho cộng đồng thông qua việc ủng hộ, đóng góp vào Quỹ vắc-xin phòng chống Covid-19.

Thu ngân sách đạt khá, hầu hết các chỉ tiêu thu đều đạt và vượt theo dự kiến kế hoạch 6 tháng đầu năm và tăng so với cùng kỳ; chi ngân sách cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đề ra, trong đó hoạt động giải ngân đầu tư xây dựng cơ bản tăng cao so với cùng kỳ của nhiều năm trước, góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, công trình trong năm 2021.

Công tác cải tạo, chỉnh trang đô thị tiếp tục được quan thực hiện nhiều hoạt động từ xây dựng cơ sở hạ tầng cho đến công tác trang trí đường phố, lắp đặt hệ thống chiếu sáng công cộng, chiếu sáng mỹ thuật, xây dựng mới công viên, chăm sóc cây xanh, nạo vét hồ ga, mương thoát nước... và có chương trình, kế hoạch cụ thể; công tác quản lý trật tự xây dựng, trật tự đô thị được triển khai thực hiện quyết liệt, phát hiện và xử lý nhiều trường hợp vi phạm góp phần nâng cao vai trò quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

Công tác đảm bảo sức khỏe nhân dân được theo dõi thường xuyên và kịp thời xây dựng các giải pháp thực hiện. Các chính sách an sinh xã hội, chăm lo cho các đối tượng chính sách tiếp tục thực hiện đầy đủ, đúng đối tượng. Công tác thông tin, tuyên truyền được đảm bảo thực hiện kịp thời, nhất là đối với hoạt động



tuyên truyền về phòng, chống dịch Covid-19, góp phần cung cấp những thông tin hữu ích cho nhân dân; công tác kêu gọi thiện nguyện được nhân dân hưởng ứng cao, công tác vận động các cơ sở tôn giáo tạm ngưng tổ chức các hoạt động tập trung đông người trong thời điểm xảy ra dịch bệnh Covid-19 đảm bảo thực hiện theo yêu cầu. Công tác giáo dục, đào tạo luôn được quan tâm, triển khai các giải pháp học tập cho các em học sinh trong điều kiện bình thường và khi có dịch bệnh xảy ra.

Công tác phối hợp tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn thành phố được quan tâm chỉ đạo thực hiện từ khâu đảm bảo cơ sở vật chất, thành lập UBBC, các đơn vị bầu cử cho đến các hoạt động phối hợp UBMTTQVN thành phố tổ chức hiệp thương và kiểm tra, giám sát công tác chuẩn bị của UBND các phường, các khu phố... góp phần tổ chức thành công cuộc bầu cử, đảm bảo về cơ cấu, chất lượng theo quy định, nhất là trong giai đoạn phòng chống dịch bệnh Covid-19.

Công tác cải cách hành chính được đảm bảo triển khai thực hiện đạt hiệu quả với sự kết hợp ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chỉ đạo, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân; đặc biệt là công tác tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và Bộ phận Một cửa của các phường được đảm bảo thực hiện đúng quy trình và tích cực triển khai áp dụng hình thức trực tuyến phù hợp tình hình dịch bệnh hiện nay.

Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo được tập trung giải quyết theo quy định. Công tác giao quân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đảm bảo chỉ tiêu, yêu cầu phòng chống dịch trong lễ giao quân; tình hình an ninh chính trị được giữ vững; an ninh trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo thực hiện. Công tác tấn công trấn áp các loại tội phạm được triển khai đồng bộ, tập trung vào các địa bàn trọng điểm phức tạp, kịp thời phát hiện, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm. Công tác đảm bảo an toàn giao thông được thực hiện tốt, tình hình tai nạn giao thông giảm 02 tiêu chí về số vụ, số người bị thương. Công tác triển khai thực hiện cấp thẻ căn cước công dân được tập trung thực hiện quyết liệt và được nhân dân hưởng ứng cao, bước đầu đạt được nhiều kết quả tích cực.

### **1.3.2. Những khó khăn, hạn chế cần quan tâm**

Tình hình dịch bệnh Covid-19 năm 2021 diễn biến lây lan nhanh và phức tạp hơn năm trước làm ảnh hưởng đến tình hình phát triển kinh tế, thương mại, dịch vụ trên địa bàn thành phố dẫn đến một số chỉ tiêu, giá trị đạt được về phát triển kinh tế - xã hội chưa cao.

Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công mặc dù đạt được những kết quả tích cực nhưng vẫn còn hạn chế, vốn giải ngân chủ yếu tập trung là chi phí bồi thường, hỗ

trợ tái định cư, khối lượng thi công giải ngân thấp; nguyên nhân do một số công trình đã thi công đạt 90% nhưng chưa nghiệm thu hoàn thành được do một vài hộ dân chưa đồng thuận bàn giao mặt bằng, một số công trình chậm tiến độ thi công do tình hình dịch bệnh phức tạp, giá nguyên vật liệu tăng cao nên một số dự án phải cập nhật, điều chỉnh dự toán, một vài công trình còn vướng thủ tục pháp lý về đánh giá tác động môi trường do vượt thẩm quyền phải trình Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt nên kéo dài thời gian thực hiện các thủ tục đầu tư; nguồn vốn kết dư ngân sách thành phố đang gặp khó khăn trong bố trí hỗ trợ kế hoạch đầu tư công năm 2021 nên không cân đối được ngân sách để bố trí vốn bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho các dự án có mở rộng thu hồi biên...

Nợ đọng thuế mặc dù giảm nhiều so với cùng kỳ năm trước nhưng vẫn còn tăng so với đầu năm; nguyên nhân do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, một số doanh nghiệp, hộ kinh doanh gặp khó khăn về tài chính nên chưa nộp thuế đúng hạn theo quy định, một vài trường hợp không có khả năng thanh toán nợ thuế.

Công tác triển khai lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố còn chậm; nguyên nhân do phải thực hiện đấu thầu lựa chọn đơn vị tư vấn và triển khai thực hiện các quy định mới tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nên tiến độ thực hiện chưa đảm bảo theo kế hoạch đề ra.

Công tác vệ sinh môi trường, thu gom chất thải rắn sinh hoạt mặc dù được tập trung chỉ đạo thực hiện nhưng vẫn còn trường hợp phát sinh rác thải tồn đọng; nguyên nhân chủ yếu do một vài địa phương chưa kịp thời thực hiện kiểm tra, giám sát và xử lý các vụ việc phát sinh.

Công tác giải quyết, di dời các cơ sở kinh doanh phé liệu trên địa bàn thành phố mặc dù đã tập trung thực hiện hoàn thành việc di dời, vận động chuyển đổi ngành nghề của các cơ sở kinh doanh phé liệu không đúng quy định nhưng vẫn còn khó khăn trong việc xử lý do các hộ kinh doanh phé liệu có hành vi chống đối, cố tình kéo dài thời gian; một vài địa phương còn hạn chế trong việc theo dõi, giám sát thường xuyên để kịp thời phát hiện và xử lý dứt điểm các cơ sở kinh doanh phé liệu phát sinh.

Công tác lập lại trật tự đô thị, trật tự xây dựng, trật tự an toàn giao thông mặc dù có sự chuyển biến tích cực nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế, nhiều nơi vẫn còn tình trạng lấn chiếm lòng lề đường để bán hiệu, vật dụng, kinh doanh, mua bán, gây cản trở giao thông, mất mỹ quan đô thị; việc duy trì trật tự đô thị sau các đợt lập lại trật tự lòng đường, lề đường chưa được làm quyết liệt, thường xuyên; nguyên nhân chủ yếu do công tác kiểm tra, xử lý các trường hợp vi

phạm của vài cơ quan chức năng thành phố, phường chưa nghiêm, lực lượng làm nhiệm vụ trong lĩnh vực này còn hạn chế.

Thái độ, tinh thần trách nhiệm của một vài cơ quan, đơn vị là thành viên Ban Chỉ đạo Phường, chống dịch bệnh Covid-19 thành phố và lãnh đạo UBND phường chưa cao, nhất là đối với công tác mua sắm trang thiết bị để phục vụ tại khu cách ly y tế tập trung, khu vực khoanh vùng y tế tạm thời và ứng phó đối với các tình huống dịch bệnh Covid-19 phát sinh đột xuất.

*(Nguồn: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2021 của UBND thành phố Thủ Dầu Một).*

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021**

### **2.1. Kết quả thực hiện danh mục công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Thủ Dầu Một**

Thực hiện theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phê duyệt, phê duyệt danh mục công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bình Dương; và Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 14/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 43/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về danh mục công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Quyết định số 1176/QĐ-UBND ngày 06/05/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt, phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 thành phố Thủ Dầu Một.

Theo đó, trong năm 2021 Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép thành phố Thủ Dầu Một được thực hiện 70 công trình, dự án với diện tích 343,04ha và cho phép các hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở 32,8ha, đất thương mại dịch vụ 2ha, cụ thể như sau:

#### ***a) Kết quả thực hiện nhóm công trình, dự án có thu hồi đất***

Kế hoạch phê duyệt cho phép thực hiện thu hồi đất để thực hiện 46 công trình, dự án với diện tích 210,41ha (*trong đó có 02 công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh với diện tích 23,2ha*). Kết quả thực hiện được:

- Số công trình, dự án đã và đang thực hiện là 24, với diện tích 157,58ha, đạt 52,17% về số lượng công trình và đạt 74,89% về diện tích; trong đó:

+ Số công trình, dự án đã thực hiện là 12, với diện tích 39,59ha, đạt 26,09% về số lượng công trình và đạt 18,81% về diện tích.

+ Số công trình, dự án đang triển khai là 12, với diện tích 117,99ha, đạt 26,09% về số lượng công trình và đạt 56,08% về diện tích.

- Công trình, dự án chưa triển khai thực hiện là 22, với diện tích 52,83ha, chiếm 47,83% về số lượng công trình và 25,11% về diện tích

**b) Kết quả thực hiện nhóm công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất**

Kế hoạch phê duyệt cho phép thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện 16 công trình, dự án với diện tích 102,87ha. Kết quả thực hiện cụ thể:

- Số công trình, dự án đang triển khai thực hiện là 07 công trình với tổng diện tích là 23,41 ha, đạt 43,75% số lượng công trình và 22,75% về diện tích
- Số công trình, dự án chưa thực hiện là 9 công trình với tổng diện tích là 79,47ha, chiếm 56,25% số lượng công trình và 77,25% về diện tích.

**c) Kết quả thực hiện các công trình thu hồi phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất**

Theo Kế hoạch được phê duyệt trong năm 2021 thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất 03 khu đất với diện tích 4,42ha, kết quả đang triển khai thực hiện được 01 khu đất tại phường Hiệp Thành với diện tích 3,96ha, còn lại 02 khu đất tại phường Chánh Nghĩa với tổng diện tích 0,46ha chưa thực hiện.

**d) Kết quả thực hiện các công giao đất, cho thuê đất**

Trong năm 2021, kế hoạch phê duyệt cho phép thực hiện giao đất, cho thuê đất đối với 05 công trình, dự án tổng diện tích là 23,34ha. Kết quả thực hiện cụ thể: kết quả đã thực hiện được 01 công trình, dự án với diện tích 1,27ha (Tòa án nhân dân tỉnh), còn lại 04 công trình chưa thực hiện với diện tích 24,07ha.

**e) Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân**

- Kế hoạch được phê duyệt chuyển mục đích đất ở đô thị năm 2021 trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một là 32,8 ha: Kết quả thực hiện đến 10/9/2021 là 8,3 ha, ước thực hiện đến ngày 31/12/2021 là 10,1 ha, đạt 29,00% kế hoạch.

- Kế hoạch được phê duyệt chuyển mục đích đất thương mại dịch vụ năm 2021 trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một là 2ha: Kết quả thực hiện đến nay là chưa thực hiện.

**Bảng 3: Kết quả thực hiện danh mục công trình năm 2021**

*Đơn vị tính: ha*

Nội dung	KH phê duyệt		Đang thực hiện				Đã thực hiện				Chưa thực hiện			
	Số lượng	Diện tích	Số lượng	Tỷ lệ	Diện tích	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Diện tích	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Diện tích	Tỷ lệ
Công trình có thu hồi đất	46	210,79	12	26,09	117,99	55,98	12	26,09	39,97	18,96	22	47,83	52,83	25,06
Công trình chuyển mục đích sử dụng đất	16	102,87	7	43,750	23,41	22,75				0,00	9	56,25	79,47	77,25
Công trình đấu giá quyền sử dụng đất	3	4,42									3	100	4,42	100
Công trình, dự án giao đất, cho thuê đất	5	25,34	1	20,00	5,45	21,51	1	20,00	1,27	5,01	3	60,00	18,62	73,48
Chuyển mục đích sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân		34,8							10,1	29,00			24,7	71,00
<b>Tổng</b>	<b>70</b>													

## **2.2. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2021**

Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021 so với các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2020 như sau:

### **2.2.1. Kết quả thực hiện đất nông nghiệp**

Theo kế hoạch được duyệt năm 2021, chỉ tiêu đất nông nghiệp là 2.701,80ha; giảm 244,77ha so với năm 2020.

Kết quả thực hiện đến hết năm 2021 là 2.909,8ha giảm 36,73ha, đạt 15,01% so với kế hoạch được duyệt. Diện tích đất nông nghiệp giảm do chuyển sang nhóm đất phi nông nghiệp để thực hiện các công trình, dự án và người dân đã thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất ở.

Việc chuyển đổi cơ cấu nhóm đất nông nghiệp trong năm qua còn thấp. Nguyên nhân, chủ yếu do một số dự án sử dụng vào loại đất nông nghiệp có quy mô diện tích lớn chưa được thực hiện như: Dự án giải phóng mặt bằng trực thoát nước Bung bíp - Suối Cát diện tích 19,63ha; Khu đô thị sinh thái Chánh Mỹ (giai đoạn 1) diện tích 14,03ha; Khu đô thị sinh thái Chánh Mỹ (giai đoạn 2) Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và Đô thị diện tích 47,58ha, Mở mới và thu hồi đất vùng phụ cận đường Đê bao dọc rạch Bà Cô diện tích 13,93ha, Khu dân cư Phú Thuận diện tích 5,34ha, Khu nhà ở Suối Giữa của Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Á Châu diện tích 30,63ha; Khu nhà ở thương mại dịch vụ SaBinCo - Tương Bình Hiệp diện tích 19,30ha; Khu nhà ở thương mại dịch vụ Phú Mỹ của Công ty CP lâm sản và xuất nhập khẩu Bình Dương diện tích 19,30ha; Khu nhà ở, tái định cư Hoà Lợi của Công ty Liên doanh TNHH Công nghiệp Viện Nam-Singapore diện tích 72,56ha; Khu nhà ở, tái định cư Hoà Phú của Công ty Liên doanh TNHH Công nghiệp Viện Nam- Singapore diện tích 14,4ha...

### **Cụ thể kết quả từng chỉ tiêu đất nông nghiệp như sau:**

#### **- Đất trồng cây hàng năm khác:**

+ Kế hoạch được duyệt năm 2021 là 628,3ha, giảm 51,36ha so với hiện trạng năm 2020.

+ Kết quả thực hiện năm 2021 là 628,3ha giảm 5,05ha. Diện tích giảm do chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện các công trình dự án và chuyển mục đích sang đất ở hộ gia đình, cá nhân.

#### **- Đất trồng cây lâu năm:**

+ Kế hoạch được duyệt năm 2021 là 2.050,8ha, giảm 193,41ha so với hiện trạng năm 2020.

+ Kết quả thực hiện năm 2021 là 2.212,5ha, giảm 31,68ha. Diện tích giảm do chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện các công trình dự án và chuyển mục đích sang đất ở hộ gia đình, cá nhân.

**- Đất nuôi trồng thủy sản:**

+ Kế hoạch được duyệt năm 2021 là 12,00ha, ổn định so với hiện trạng năm 2020.

**- Đất nông nghiệp khác:**

+ Kế hoạch được duyệt năm 2021 là 10,80ha, ổn định so với hiện trạng năm 2020.

**Bảng 4: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021**

*Đơn vị tính: ha*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng 2020 (thống kê đất đai)	Kế hoạch phê duyệt 2021	Kết quả thực hiện			
					Kết quả thực hiện KH 2021	So sánh		
						KH/HT	TH/KH	TH/HT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(4)	(8)=(6)-(5)	(9)=(6)-(-4)
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>11890.6</b>	<b>11890.6</b>	<b>11890.6</b>			
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>2946.6</b>	<b>2701.8</b>	<b>2909.8</b>	<b>-244.77</b>	<b>208.03</b>	<b>-36.73</b>
	Trong đó:							
1.1	Đất trồng lúa	LUA						
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>						
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	679.7	628.3	674.6	- 51.36	46.30	-5.05
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2244.2	2050.8	2212.5	- 193.41	161.73	-31.68
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH						
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD						
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX						
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN						
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	12.0	12.0	12.0			
1.8	Đất làm muối	LMU						
1.9	Đất nông nghiệp khác	NHK	10.8	10.8	10.8			
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>8944.1</b>	<b>9188.8</b>	<b>8980.8</b>	<b>244.75</b>	<b>- 208.00</b>	<b>36.75</b>
	Trong đó:							
2.1	Đất quốc phòng	CQP	367.0	367.0	367.0			
2.2	Đất an ninh	CAN	22.7	22.9	22.7	0.24	-0.24	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	1674.1	1674.1	1674.1			
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN						
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	395.5	389.8	395.5	-5.74	5.69	-0.05

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng 2020 (thống kê đất đai)	Kế hoạch phê duyệt 2021	Kết quả thực hiện			
					Kết quả thực hiện KH 2021	So sánh		
						KH/HT	TH/KH	TH/HT
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	217.9	212.8	217.9	-5.09	5.09	
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS						
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX						
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2395.4	2518.3	2428.2	122.89	-90.12	32.77
	Trong đó:							
	Đất giao thông	DGT	1392.6	1505.9	1425.3	113.34	- 80.57	32.77
	Đất thủy lợi	DTL	47.2	47.2	47.2			
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	23.8	23.8	23.8			
	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	43.8	43.8	43.8			
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	166.4	166.4	166.4			
	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	597.2	597.2	597.2			
	Đất công trình năng lượng	DNL	19.3	19.3	19.3			
	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	5.0	5.0	5.0			
	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG						
	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	7.8	7.8	7.8			
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	15.3	15.3	15.3			
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	33.8	33.8	33.8			
	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	31.9	41.4	31.9	9.55	-9.55	
	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	1.1	1.1	1.1			
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	1.2	1.2	1.2			
	Đất chợ	DCH	9.1	9.1	9.1			
2.1	Đất danh lam thắng cảnh	DDL						
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	5.5	5.5	5.5			
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	271.8	274.7	271.8	2.94	-2.94	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT						
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	3161.2	3290.7	3165.2	129.49	-125.46	3.11
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	35.5	34.6	38.0	-0.90	3.37	2.47

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng 2020 (thống kê đất đai)	Kế hoạch phê duyệt 2021	Kết quả thực hiện			
					Kết quả thực hiện KH 2021	So sánh		
						KH/HT	TH/KH	TH/HT
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1.9	2.8	1.9	0.93	-0.93	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG						
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	15.1	15.1	15.1			
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	363.0	363.0	363.0			
2.2	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	17.4	17.4	17.4			
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK						
3	Đất chưa sử dụng	CSD						

### 2.2.2. Kết quả thực hiện đất phi nông nghiệp

- Theo kế hoạch được duyệt năm 2021, chỉ tiêu đất phi nông nghiệp là 9.188,8ha; tăng 244,75ha so với hiện trạng năm 2020.

- Kết quả thực hiện đến hết năm 2021 là 8.980,8ha, tăng 36,75ha so với hiện trạng năm 2020 đạt 15,01% so với kế hoạch được duyệt.

Diện tích đất phi nông nghiệp tăng do đã thực hiện các công trình, dự án đã được phê duyệt theo kế hoạch và người dân đã đăng ký thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở.

#### Kết quả thực hiện từng chỉ tiêu đất phi nông nghiệp cụ thể như sau:

- **Đất quốc phòng:** Kế hoạch được duyệt năm 2021 là 367,0 ha, ổn định so với năm 2020;

- **Đất an ninh:** Kế hoạch được duyệt năm 2021 là 22,9ha, giảm 0,2ha so với hiện trạng năm 2020; kết quả thực hiện đến năm 2021 là 22,9ha chưa đạt theo kế hoạch đề ra do công trình Công an phường Chánh Mỹ chưa thực hiện .

#### - Đất khu công nghiệp:

+ Kế hoạch được duyệt năm 2021 là 1.674,1ha, ổn định so với năm 2020;

- **Đất thương mại, dịch vụ:** Kế hoạch được duyệt năm 2021 là 389,8ha, Kết quả cuối năm 2021 là 395,5ha, tăng 5,69ha so với kế hoạch phê duyệt. Diện tích tăng do bổ sung các vị trí đất Thương mại Dịch vụ trong kỳ thống kê 2022.

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** Kế hoạch được duyệt năm 2021 là 212,8 ha, giảm 5,09ha so với năm 2020; đến năm 2021 là 217,9ha còn 5,09ha chưa giảm theo kế hoạch, do chưa thực hiện một số công trình chuyển đổi đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp nên chưa đạt được theo kế hoạch đề ra.



- **Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã:** Kế hoạch được duyệt năm 2021 là 2.518,3ha, tăng 122,89ha so với năm 2020; Kết quả năm 2021 là 2.428,2ha tăng 32,77ha, đạt 26,67% kế hoạch. Diện tích tăng do thực hiện xong công trình trong nhóm đất hạ tầng như: Đường theo QH phân khu là N3, Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến đường Đồng Cây Viết (đường liên ấp 1-5 phường Phú Mỹ), Nâng cấp mở rộng đường Bùi Ngọc Thu, Mở mới và thu hồi đất vùng phụ cận đường Tạo lực 6 nôi dài, Xây dựng vỉa hè, cây xanh, hệ thống chiếu sáng, thoát nước đường Huỳnh Văn Lũy, Mở rộng và thu hồi đất vùng phụ cận đường ĐX-144... Còn lại diện tích 90,12ha chưa thực hiện theo kế hoạch phê duyệt do chưa thực hiện một số công trình, dự kiến các công trình trọng điểm sẽ chuyển tiếp sang thực hiện năm 2022 theo quy định.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** Kế hoạch được duyệt năm 2021 là 5,5ha, ổn định so với năm 2020.

- **Đất khu vui chơi giải trí công cộng:** Kế hoạch được duyệt năm 2021 là 274,7ha, tăng 2,94ha so với năm 2020; Kết quả năm 2021 là 271,8ha chưa đạt theo theo kế hoạch đề ra.

- **Đất ở:** Kế hoạch được duyệt năm 2021 là 3.290,7ha, tăng 129,49ha so với năm 2020; Kết quả năm 2021 là 3.165,8ha tăng 3,11ha so với năm 2020, còn 125,46ha chưa thực hiện tăng theo kế hoạch. Nguyên nhân chỉ tiêu đất ở thực hiện còn ít là do một số dự án đất ở có diện tích lớn chưa được thực hiện như: Dự án phát triển đô thị của Công ty Cổ phần Đại Nam với diện tích 47,18ha (Hiệp An); Khu nhà ở thương mại Thanh Lễ của Tổng Công ty Thương mại xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP diện tích 5,05ha (Phú Thọ); Khu nhà ở Đại Phú City của Công ty Cổ phần Giải pháp Xây dựng Quốc Tế diện tích 19,6ha (Hiệp An) ...

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** Kế hoạch được duyệt năm 2021 diện tích là 34,6ha, kết quả cuối năm 2021 là 35,5ha diện tích tăng do thực hiện xong các công trình quan trọng như: Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, Xây dựng kho lưu trữ Sở TN&MT, Trung tâm lưu trữ tập trung tỉnh Bình Dương.

- **Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:** Kế hoạch được duyệt năm 2021 là 2,80ha, tăng 0,93ha so với năm 2020; Kết quả năm 2021 là 1,9ha thực hiện chưa đạt so với kế hoạch đề ra.

- **Đất cơ sở tín ngưỡng:** Kế hoạch được duyệt năm 2021 là 15,1ha, ổn định so với năm 2020;

- **Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** Kế hoạch được duyệt năm 2021 là 363,0ha, ổn định so với năm 2020;

- **Đất có mặt nước chuyên dùng:** Kế hoạch được duyệt năm 2021 là 17,4ha, ổn định so với năm 2020;

### **2.3. Đánh giá chung về thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021**

#### **a) Mặt tích cực**

- Trong năm 2021, các ngành, UBND các cấp đã có sự nỗ lực triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, kết quả thực hiện trong năm qua cho thấy tỷ lệ công trình, dự án đã và đang thực hiện là 24, với diện tích 157,58ha, đạt 52,17% về số lượng công trình và đạt 74,89% về diện tích.

- Kết quả thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án tuy chưa thật sự cao nhưng đây là cơ sở pháp lý cần thiết theo đúng quy định Luật Đất đai 2013 để tổ chức triển khai thực hiện dự án, góp phần tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Việc ban hành và công khai danh mục công trình, dự án hàng năm giúp các tổ chức, công dân thực hiện tốt chức năng kiểm tra, giám sát. Qua đó, công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng được tiến hành thuận lợi, góp phần hoàn thành các dự án trên địa bàn.

### ***b) Tồn tại, hạn chế***

Nhìn chung, số công trình, dự án chưa triển khai thực hiện còn nhiều (22 công trình, dự án thu hồi đất với tổng diện tích 52,83ha; 10 công trình chuyển mục đích sử dụng đất với tổng diện tích 80,08ha). Nguyên nhân dẫn đến tình trạng một số công trình, dự án chậm triển khai, chưa triển khai chủ yếu là do:

- Dịch Covid 19 với biến thể Delta diễn ra hết sức phức tạp trong cả nước làm ảnh hưởng tới tình hình kinh tế xã hội nhiều tỉnh, thành phố phía Nam. Trong đó có tỉnh Bình Dương nói chung và thành phố Thủ Dầu Một nói riêng nằm trong vùng dịch (thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16 của Chính Phủ), do đó các tác động tiêu cực của dịch bệnh ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội tại đây.

- Nhiều công trình, dự án do cấp Tỉnh hoặc Doanh nghiệp làm chủ đầu tư với diện tích lớn nhưng chậm triển khai thực hiện như: Dự án phát triển đô thị của Công ty Cổ phần Đại Nam với diện tích 47,18ha (Hiệp An); Khu nhà ở thương mại Thanh Lễ của Tổng Công ty Thương mại xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP diện tích 5,05ha (Phú Thọ); Khu nhà ở Đại Phú City của Công ty Cổ phần Giải pháp Xây dựng Quốc Tế diện tích 19,6ha (Hiệp An) ...

- Nhiều công trình, dự án đăng ký vào Kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhưng hồ sơ phê duyệt các bước chủ trương đầu tư công trình chưa hoàn chỉnh để triển khai thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định.

- Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để triển khai dự án cũng gặp một số vướng mắc, khó khăn dẫn đến thực hiện chậm; Nguyên nhân cụ thể như:

+ Việc lập các hồ sơ, thủ tục thực hiện công trình dự án phải qua nhiều bước, nhiều cơ quan tham mưu, phê duyệt nên kéo dài thời gian không đảm bảo thực hiện trong năm kế hoạch.

+ Một số hộ dân bị giải tỏa chưa đồng tình với mức giá bồi thường của dự án nên việc triển khai thực hiện còn chậm.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 thành phố được UBND tỉnh phê duyệt ngày 06/5/2021 (điều chỉnh, bổ sung tại quyết định số 2323/QĐ-UBND ngày 8/10/2021) nên dẫn đến thời gian thực hiện ngắn, không đủ thời gian để thực hiện theo kế hoạch được duyệt.

- Đối với kết quả chuyển mục đích đất ở trong hộ gia đình cá nhân trên địa bàn không cao (ước đến 31/12/2021 đạt khoảng 29,00%); Nguyên nhân do hộ gia đình cá nhân không còn được ghi nợ tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất theo Nghị định 79/2019/NĐ-CP ngày 26/10/2019, có hiệu lực 10/12/2019. Đồng thời, do tình hình dịch bệnh Covid-19 phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16 của Chính Phủ (từ tháng 6/2021 đến tháng 10/2021) nên ảnh hưởng đến việc đi lại của các hộ gia đình cá nhân không thể thực hiện thủ tục chuyển mục đích, dẫn đến chỉ tiêu thực hiện không đạt so với kế hoạch được duyệt.

#### **2.4. Kết quả thực hiện kế hoạch khai thác đất chưa sử dụng**

Theo Quyết định phê duyệt kế hoạch năm 2021 trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một không còn loại đất chưa sử dụng.

### **III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022**

Trên cơ sở kết quả đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của các ngành, các cấp có liên quan đến sử dụng đất trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một; Chủ trương cho phép thực hiện các công trình, dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh; Kế hoạch đầu tư công trong năm 2022 trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một; đồng thời cân nhắc khả năng đầu tư thực hiện trong năm 2022, dự báo nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp và phi nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân trong năm 2022. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xây dựng Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cụ thể như sau:

#### **3.1. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực**

##### **3.1.1. Diện tích phân bổ các loại đất trong năm 2022**

*(đính kèm phụ lục 03).*

##### **3.1.2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2022**

a) Tổng số công trình, dự án thực hiện trong năm 2022 có thu hồi đất là 41 với tổng diện tích thu hồi là 200,74ha:

- 02 công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh với diện tích 23,2ha.

- 39 công trình, dự án thu hồi đất phải thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại Điều 62, Điều 63 Luật Đất đai năm 2013 là với tổng diện tích là 177,54ha, trong đó: Công trình chuyển tiếp là 29 công trình, dự án với diện tích là 143,63ha và công trình đăng ký mới là 10 công trình, dự án với diện tích là 33,91ha.

b) Vị trí các khu đất thu hồi được xác định theo bản đồ kế hoạch sử dụng năm 2022 của thành phố Thủ Dầu Một tỷ lệ 1/10.000 và báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Thủ Dầu Một.

### **3.1.3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022**

a) Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 là 53,98ha (đính kèm phụ lục 04).

b) Danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2022 là 11 công trình (chuyển tiếp 9 công trình, đăng ký mới 02 công trình) với tổng diện tích là 54,6ha.

c) Vị trí các khu đất chuyển mục đích sử dụng đất được xác định theo bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Thủ Dầu Một tỷ lệ 1/10.000 và báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Thủ Dầu Một.

d) Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất lúa của hộ gia đình cá nhân:

Đối với các trường hợp hộ gia đình, cá nhân hiện trạng đã chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa và được thông kê là loại đất khác nhưng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn thể hiện mục đích sử dụng là đất trồng lúa thì cho phép chuyển đổi cơ cấu cây trồng, chuyển mục đích sử dụng đất và thực hiện các thủ tục đất đai, đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

#### **▪ Chuyển mục đích thành đất ở**

Tổng diện tích chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân thành đất ở trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một là 54,80ha, cụ thể như sau:

**Bảng 5: Kế hoạch chuyển mục đích thành đất ở của hộ gia đình, cá nhân**

<b>STT</b>	<b>Phường</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Sử dụng vào loại đất</b>
1	Chánh Mỹ	3,30	HNK, CLN
2	Chánh Nghĩa	5,00	HNK, CLN
3	Định Hòa	5,00	HNK, CLN
4	Hiệp An	4,50	HNK, CLN
5	Hiệp Thành	4,50	HNK, CLN
6	Phú Cường	0,50	HNK, CLN
7	Phú Hòa	6,00	HNK, CLN
8	Phú Lợi	4,50	HNK, CLN

STT	Phường	Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất
9	Phú Mỹ	8,00	HNK, CLN
10	Phú Thọ	4,50	HNK, CLN
11	Tân An	5,00	HNK, CLN
12	Tương Bình Hiệp	4,00	HNK, CLN
<b>Tổng</b>		<b>54,80</b>	

### 3.2. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Trên cơ sở tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất trong năm kế hoạch sử dụng đất 2022 trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một như sau:

**Bảng 6: Biến động các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2022**

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng 2021	Kế hoạch 2022	Tăng (+), giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>11,890.6</b>	<b>11,890.6</b>	<b>0.00</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>2,909.8</b>	<b>2,677.3</b>	<b>-232.50</b>
	Trong đó:				
1.1	Đất trồng lúa	LUA			
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>			
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	674.60	610.12	-64.48
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2,212.48	2,044.40	-168.08
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH			
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD			
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX			
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN			
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	11.95	11.95	0.00
1.8	Đất làm muối	LMU			
1.9	Đất nông nghiệp khác	NHK	10.79	10.79	0.00
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>8,980.8</b>	<b>9,213.4</b>	<b>232.60</b>
	Trong đó:				
2.1	Đất quốc phòng	CQP	367.03	367.03	0.00
2.2	Đất an ninh	CAN	22.66	22.79	0.13
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	1,674.08	1,647.38	-26.70
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN			
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	395.49	399.59	4.10
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	217.89	217.89	0.00

STT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng 2021	Kế hoạch 2022	Tăng (+), giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)- (4)
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS			
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX			
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2,428.16	2,477.51	49.35
	Trong đó:				
	Đất giao thông	DGT	1,425.33	1,469.26	43.93
	Đất thủy lợi	DTL	47.19	47.19	0.00
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	23.78	29.23	5.45
	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	43.77	44.19	0.42
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	166.40	165.84	-0.56
	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	597.22	597.22	0.00
	Đất công trình năng lượng	DNL	19.34	20.19	0.85
	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	4.97	4.97	0.00
	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG			
	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	7.84	7.84	0.00
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	15.26	15.26	0.00
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	33.79	33.79	0.00
	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	31.85	31.11	-0.74
	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	1.14	1.14	0.00
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	1.17	1.17	0.00
	Đất chợ	DCH	9.11	9.11	0.00
2.1	Đất danh lam thắng cảnh	DDL			
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	5.54	5.56	0.02
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	271.76	275.68	3.92
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT			
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	3,162.78	3,324.45	161,67
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	35,50	34,00	-1.50
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1.87	1.87	0.00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	15.15	15.14	-0.01
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	362.99	407.04	44.05
2.2	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	17.43	17.43	0.00
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK			
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>			

### 3.2.1. Các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2022 do cấp tỉnh phân bổ

Căn cứ theo Thông tư 01/2021/TT-BTNMT, các chỉ tiêu sử dụng đất do cấp tỉnh phân bổ như sau:

### 3.2.2. Chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp

Tổng diện tích đất phi nông nghiệp trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một năm 2022 là 9.213,4ha, tăng 232,60ha so với năm 2021. Diện tích tăng do đất nông nghiệp chuyển sang (cây hàng năm 64,49ha; cây lâu năm 168,08ha), cụ thể từng chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất phi nông nghiệp như sau:

✚ **Đất quốc phòng:** Năm 2022 có diện tích là 367,03ha, ổn định so với hiện trạng năm 2021.

✚ **Đất an ninh:** Năm 2022, diện tích đất an ninh là 22,79ha, tăng 0,13ha so với hiện trạng năm 2021 do thực hiện công trình công trình chuyển tiếp là Công an phường Chánh Mỹ 0,13ha.

✚ **Đất khu công nghiệp:** Năm 2022 có diện tích là 1.647,38ha, giảm 26,70ha tại khu công nghiệp Phú Tân theo công văn số 173/TTg-KTN ngày 28 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính Phủ.

✚ **Đất thương mại, dịch vụ:** Năm 2022 có diện tích là 399,59ha, tăng 4,10ha so với hiện trạng do thực hiện các công trình, dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương.

✚ **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** Năm 2022 có diện tích là 217,89ha, ổn định so với hiện trạng năm 2021.

✚ **Đất phát triển hạ tầng:** Năm 2022 có diện tích là 2.477,51ha, tăng 49,35ha so với hiện trạng năm 2021 để thực hiện nhóm các công trình hạ tầng sau:

(1) **Đất giao thông:** Năm 2022 sẽ thực hiện 18 công trình giao thông, chủ yếu là nâng cấp mở rộng trên phần nền đường hiện trạng với tổng diện tích phải giải phóng mặt bằng là 43,93ha.

**Bảng 7: Công trình giao thông thực hiện năm 2022**

*Đơn vị tính: ha*

STT	Tên công trình	Diện tích	Sử dụng vào loại đất	Vị trí	Địa điểm
1	Cải tạo, mở rộng Đại Lộ Bình Dương (Quốc Lộ 13) [Tên khác: Giải phóng mặt bằng QL 13 (đoạn từ nút giao Tự Do đến ngã tư Lê Hồng Phong)]	1,32	ODT+CLN	Công trình dạng tuyến	Phú Hòa
2	Dự án gia cố khu sạt lở KDC Huỳnh Long	0,89	ODT+CLN	Công trình dạng tuyến	Tương Bình Hiệp
3	Mở mới và thu hồi đất vùng phụ cận	13,93	CLN, ODT	Công trình dạng tuyến	Chánh Mỹ

STT	Tên công trình	Diện tích	Sử dụng vào loại đất	Vị trí	Địa điểm
	đường Đê bao dọc rạch Bà Cô				
4	Cải tạo, mở rộng vỉa hè đường Ngô Gia Tự( từ ĐLBD đến ranh khu đô thị Chánh Nghĩa)	0,81	ODT+CLN	Dạng tuyến	Chánh Nghĩa
5	Đường vào khu dân cư Hiệp Thành 1	0,32	ODT+CLN	Dạng tuyến	Hiệp Thành
6	Đường D4( từ đường Lê Hồng Phong đến đường N4 nối dài)	0,53	ODT+CLN	Dạng tuyến	Phú Thọ
7	Đường N8-N10 (từ đường LHP đến đường NTMK)	2,08	ODT+CLN	Dạng tuyến	Phú Hòa
8	Nâng cấp, mở rộng đường Huỳnh Thị Hiếu (từ đường PDL đến đường NCT)	6,38	ODT+CLN	Dạng tuyến	Tân An
9	Mở mới đường phân khu D13 ( từ Phạm Ngọc Thạch đến N13) phường Phú Mỹ	1,76	ODT+CLN	Dạng tuyến	Phú Mỹ
10	NC, MR đường Nguyễn Văn Cừ ( từ đường HVC đến Rạch nhà Thờ)	6,56	CLN, ODT	Dạng tuyến	Chánh Mỹ
11	NC, MR đường An Mỹ - Phú Mỹ (từ đường Huỳnh Văn Lũy đến đường ĐX 02)	0,57	ODT+CLN	Dạng tuyến	Phú Mỹ
12	NC, MR đường vào khu tái định cư Phường Phú Mỹ ( khu 1)	0,57	ODT+CLN	Dạng tuyến	Phú Mỹ
13	NC, MR đường Nguyễn An Ninh	0,28	ODT+CLN	Dạng tuyến	Phú Cường
14	Đường tổ 61, khu 8 (từ 30/4 đến đường Lê Hồng Phong) phường Phú Thọ	0,96	ODT+CLN	Dạng tuyến	Phú Thọ
15	Xây dựng hầm chui tại nút giao ngã tư chợ đình	0,78	ODT+CLN		Phú Lợi, Hiệp Thành, Phú Cường, Phú Hòa
16	Mở mới và thu hồi đất vùng phụ cận đường Tạo lực 6 nối dài	4,86	ODT+CLN		Hiệp An
17	Xây dựng đường giao thông từ ngã 3 đường Nguyễn Tri Phương - Bùi Quốc Khánh ra sông Sài Gòn	0,61	ODT+CLN	ngã 3 đường Nguyễn Tri Phương - Bùi Quốc Khánh ra sông Sài Gòn	Chánh Nghĩa
18	Nâng cấp, mở rộng đường An Mỹ - Phú Mỹ (từ đường Huỳnh Văn Lũy đến đường ĐX 02)	1,10	ODT+CLN	từ đường Huỳnh Văn Lũy đến đường ĐX 02	Phú Mỹ

**(2) Đất thủy lợi:** Năm 2022 có diện tích là 47,19ha, ổn định so với hiện trạng năm 2021.

**(3) Đất văn hoá:** Năm 2022 có diện tích là 29,23ha, tăng thêm 5,45ha so với



hiện trạng năm 2021. Để thực hiện 01 công trình Bảo tồn làng nghề sơn mài Tương Bình Hiệp.

**(4) Đất y tế:** Năm 2022 đất y tế có diện tích là 44,19ha tăng 0,42ha so với hiện trạng năm 2021. Do Xây dựng, cải tạo và sửa chữa Trạm y tế liên phường (Tân An - Hiệp An - Định Hòa)

**(5) Đất cơ sở giáo dục – đào tạo:** Năm 2022 đất giáo dục đào tạo có diện tích là 165,84ha giảm 0,56ha so với hiện trạng năm 2021. Trong năm 2022 thực hiện 01 công trình nâng cấp, cải tạo trường THCS Chánh Nghĩa có diện tích 0,5ha. Ngoài ra còn chuyển diện tích 1,06ha đất giáo dục đào tạo sang thực hiện 02 công trình là Công an phường Chánh Mỹ và Khu vực Thành ủy - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một (cũ).

**(6) Đất năng lượng:** Năm 2022 đất năng lượng có diện tích là 20,83ha tăng thêm 0,85ha. Để thực hiện 04 công trình sau: thay dây dẫn đường dây 110kV Tân Định - Gò Đậu (phát sinh thu hồi đất trụ móng); Trạm 110kV Định Hòa và đường dây đấu nối; Mạch 2 đường dây 110kV Thuận An - Gò Đậu; Trạm 110 kV T3 và đường dây 110kV T3 trạm 220kV Tân Định.

**(7) Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:** Năm 2022 có diện tích là 31,1ha, giảm 0,74ha so với hiện trạng năm 2021. Do thực hiện công trình Công viên trước khu vực trường Chính Trị.

**🚧 Đất sinh hoạt cộng đồng:** Năm 2022 có diện tích là 5,56ha tăng 0,02ha so với hiện trạng năm 2021. Năm 2022 thực hiện công trình Văn phòng khu phố 1 diện tích là 0,05ha. Đồng thời, chuyển diện tích 0,03ha đất sinh hoạt cộng đồng sang đất Công an phường Chánh Mỹ.

**🚧 Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:** Năm 2022 có diện tích là 275,68ha tăng 3,92ha so với hiện trạng năm 2021. Do thực hiện 04 công trình là: Xây dựng công viên công cộng (giữa 2 Rạch Thỏ Ngừ), Xây dựng công viên giao lộ CMT8- Ngô Quyền, Công viên, hoa viên cây xanh đường ĐX 138, Công viên trước khu vực trường Chính Trị.

**Đất ở tại đô thị:** Năm 2022 có diện tích là 3.324,45ha, tăng 159,20ha so với hiện trạng, trong đó:

+ Diện tích đất ở thực tăng so với hiện trạng là 173,04ha do:

- Tăng 117,53ha do thực hiện các công trình, dự án nhà ở.

- Tăng 56,44ha để đáp ứng nhu cầu chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất ở của các hộ gia đình, cá nhân.

+ Diện tích đất ở giảm 13,83ha do chuyển đổi, thu hồi để thực hiện các công trình nâng cấp, mở rộng các dự án giao thông trong năm 2022.

**Bảng 8: Nhu cầu đất ở năm 2022**

*Đơn vị tính: ha*

STT	Phường	HT 2021	KH 2022	Tăng/giảm
1	Chánh Mỹ	83,6	27,6	-56,0

STT	Phường	HT 2021	KH 2022	Tăng/giảm
2	Chánh Nghĩa	140,2	123,4	-16,8
3	Định Hòa	377,7	370,5	-7,2
4	Hiệp An	186,2	174,4	-11,8
5	Hiệp Thành	138,7	134,3	-4,4
6	Hòa Phú	70,7	70,50	-0,2
7	Phú Cường	2,0	1,6	-0,4
8	Phú Hòa	67,8	43,1	-24,7
9	Phú Lợi	58,3	51,4	-6,9
10	Phú Mỹ	230,4	216,1	-14,3
11	Phú Tân	13,0	12,97	-0,03
12	Phú Thọ	174,4	171,3	-3,1
13	Tân An	463,7	454,0	-9,7
14	Tương Bình Hiệp	206,0	193,4	-12,6
<b>Tổng</b>		<b>2.212,7</b>	<b>1.851,17</b>	<b>-168,13</b>

✚ **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** Năm 2022 có diện tích là 34,0ha giảm 1,5ha so với hiện trạng năm 2021. Do chuyển 0,5ha đất của Sở tài chính (cũ) và Trung tâm phát triển Quỹ đất (cũ) để xây dựng công viên giao lộ CMT8-Ngô Quyền và thực hiện thu hồi đất giá 1,0ha của khu vực Thành ủy - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một (cũ).

✚ **Đất xây dựng trụ sở cơ quan CTSN:** Năm 2022 có diện tích là 1,87ha, ổn định diện tích so với hiện trạng năm 2021.

✚ **Đất cơ sở tôn giáo:** Năm 2022 có diện tích là 33,79ha, ổn định diện tích so với hiện trạng năm 2021.

✚ **Đất cơ sở tín ngưỡng:** Năm 2022 có diện tích là 15,14ha giảm diện tích 0,01ha đất đình so với hiện trạng năm 2021, chuyển sang thực hiện dự án đất ở thuộc khu vực Thành ủy - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một (cũ).

✚ **Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** Năm 2022 có diện tích là 407,04ha, tăng 44,05ha so với hiện trạng năm 2021. Do thực hiện 04 công trình, dự án là: Dự án giải phóng mặt bằng trục thoát nước Bung bíp - Suối Cát, Đầu tư giải quyết điểm ngập đoạn ngã 3 cống đường Thích Quảng Đức (từ ngã 3 Cống đến cầu bà Hên), Trục thoát nước suối Giữa (đoạn từ sau trạm thu phí đến cầu Bà Cô gồm cả rạch Bung Cầu), Đầu tư giải quyết điểm ngập lưu vực rạch Ông Đành.

✚ **Các loại đất phi nông nghiệp do cấp tỉnh phân bổ khác còn lại:** Ổn định diện tích so với hiện trạng năm 2021.

### 3.2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp

Sau khi cân đối chuyển đổi một phần diện tích sang xây dựng các công trình phi nông nghiệp, năm 2022 diện tích đất nông nghiệp còn lại khoảng 2.677,30ha, giảm 232,50ha so với hiện trạng năm 2021, cụ thể từng chỉ tiêu sử

dụng đất như sau:

✚ **Đất trồng cây hàng năm khác:** Năm 2022 có diện tích là 610,12ha, giảm 64,48ha so với hiện trạng năm 2021, trong đó: chuyển sang đất ở 59,04ha và đất văn hóa 5,45ha.

✚ **Đất trồng cây lâu năm:** Năm 2022 có diện tích là 2.044,40ha, giảm 168,08ha so với hiện trạng năm 2021, trong đó: chuyển qua đất công an 0,13ha; đất thương mại dịch vụ 4,10ha, đất cơ sở hạ tầng 37,11ha; đất ở 85,33ha; đất khu vui chơi giải trí 2,64ha; đất sinh hoạt cộng đồng 0,05ha; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 38,85ha

**Bảng 9: Kế hoạch sử dụng đất cây lâu năm năm 2022**

*Đơn vị tính: ha*

STT	Phường	HT 2021	KH 2022	Tăng/giảm
1	Chánh Mỹ	211,77	268,2	56,4
2	Chánh Nghĩa	159,93	175,1	15,2
3	Định Hòa	158,13	162,0	3,9
4	Hiệp An	170,30	175,2	4,9
5	Hiệp Thành	246,96	255,8	8,8
6	Hòa Phú	651,50	678,1	26,6
7	Phú Cường	119,50	119,6	0,1
8	Phú Hòa	294,48	299,6	5,1
9	Phú Lợi	163,14	172,9	9,7
10	Phú Mỹ	225,78	237,8	12,0
11	Phú Tân	298,30	298,3	0,0
12	Phú Thọ	121,22	125,2	4,0
13	Tân An	224,02	228,7	4,7
14	Tương Bình Hiệp	117,77	125,5	7,7
<b>Tổng</b>		<b>3,162.78</b>	<b>3,322.0</b>	<b>159.2</b>

✚ **Các loại đất nông nghiệp khác còn lại:** Ổn định diện tích so với hiện trạng năm 2021.

#### **3.2.4. Chỉ tiêu đất chưa sử dụng**

Năm 2022 trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một không còn diện tích đất chưa sử dụng.

#### **3.2.5. Các chỉ tiêu sử dụng đất do cấp huyện xác định.**

✚ **Đất nông nghiệp khác:** Năm 2022 ổn định diện tích 10,79ha như hiện trạng năm 2021.

✚ **Đất sinh hoạt cộng đồng:** Năm 2022 diện tích 5,6ha, tăng 0,02ha như hiện trạng năm 2021. Thực hiện công trình Văn phòng khu phố 1 diện tích

0,05ha. Đồng thời chuyển 0,03ha đất văn phòng khu phố sang thực hiện công trình công an phường Chánh Mỹ.

🚧 **Đất khu vui chơi giải trí công cộng:** Năm 2022 có diện tích là 275,68ha, tăng 3,92ha so với hiện trạng 2021. Do thực hiện công trình công viên giao lộ CMT8-Ngô Quyền diện tích 0,50ha và xây dựng công viên công cộng (giữa 2 Rạch Thổ Ngữ) diện tích 2,44ha, Công viên, hoa viên cây xanh đường ĐX 138 diện tích 0,24ha, Công viên trước khu vực trường Chính Trị diện tích 0,74ha.

🚧 **Đối với các chỉ tiêu sử dụng đất còn lại:** Năm 2022, thành phố Thủ Dầu Một không xác định thêm, ổn định diện tích hiện trạng (*chỉ tiêu từng loại đất tại Biểu 06/CH kèm theo*).

**Bảng 10: Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thành phố Thủ Dầu Một**

*Đơn vị tính: ha*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính													
				Chánh Mỹ	Chánh Nghĩa	Định Hòa	Hiệp An	Hiệp Thành	Hòa Phú	Phú Cường	Phú Hòa	Phú Lợi	Phú Mỹ	Phú Tân	Phú Thọ	Tân An	Tương Bình Hiệp
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>11.890,6</b>	<b>689,4</b>	<b>476,4</b>	<b>792,5</b>	<b>681,3</b>	<b>586,5</b>	<b>2.849,3</b>	<b>244,5</b>	<b>656,8</b>	<b>712,9</b>	<b>630,1</b>	<b>1.537,7</b>	<b>490,3</b>	<b>1.022,4</b>	<b>520,5</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>2.677,3</b>	<b>169,0</b>	<b>125,1</b>	<b>397,1</b>	<b>210,2</b>	<b>148,3</b>	<b>70,5</b>	<b>1,6</b>	<b>164,5</b>	<b>92,6</b>	<b>256,2</b>	<b>15,2</b>	<b>201,2</b>	<b>568,3</b>	<b>257,4</b>
	Trong đó:		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Đất trồng lúa	LUA	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	610,1	134,7	1,7	26,7	35,7	14,0	-	0,0	121,4	41,2	33,6	2,24	29,1	112,4	57,4
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.044,40	27,6	123,4	370,5	174,4	134,3	70,50	1,6	43,1	51,4	216,1	12,97	171,3	454,0	193,4
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	12,0	6,7	0,02	-	0,1	-	-	-	-	-	-	-	0,9	0,7	3,6
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NHK	10,8	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6,5	-	-	1,2	3,1
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>9.213,3</b>	<b>520,4</b>	<b>351,3</b>	<b>395,4</b>	<b>471,2</b>	<b>438,3</b>	<b>2.778,8</b>	<b>242,8</b>	<b>492,3</b>	<b>620,3</b>	<b>373,8</b>	<b>1.522,5</b>	<b>289,1</b>	<b>454,1</b>	<b>263,0</b>
	Trong đó:		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1	Đất quốc phòng	CQP	367,03	-	-	3,8	-	12,1	-	34,7	4,7	311,7	-	-	-	-	-
2.2	Đất an ninh	CAN	22,79	0,13	9,9	3,5	0,2	3,4	0,7	0,1	0,2	0,1	3,9	0,4	0,1	0,1	0,2
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	1.647,4	-	-	-	-	-	744,9	-	-	-	-	902,5	-	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	399,59	20,1	6,9	17,1	205,8	9,4	65,4	3,3	9,7	31,2	7,9	10,8	10,1	1,0	0,9
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	217,9	1,17	21,53	18,42	7,14	16,27	18,66	0,05	36,35	16,18	4,60	25,51	24,22	,21	15,58
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính													
				Chánh Mỹ	Chánh Nghĩa	Định Hòa	Hiệp An	Hiệp Thành	Hòa Phú	Phú Cường	Phú Hòa	Phú Lợi	Phú Mỹ	Phú Tân	Phú Thọ	Tân An	Trương Bình Hiệp
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.477,5	115,8	99,1	170,2	66,6	118,9	1.074,8	56,4	113,3	81,2	111,0	220,7	94,0	67,6	87,9
	Trong đó:		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Đất giao thông	DGT	1.469,3	98,2	71,0	124,1	57,0	86,1	393,4	38,0	82,8	63,0	97,7	175,2	60,2	55,0	67,7
	Đất thủy lợi	DTL	47,2	2,5	9,8	0,2	0,6	0,04	12,8	1,2	-	0,01	-	14,6	4,3	0,6	0,6
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	29,2	3,6	0,7	3,1	2,0	2,7	2,9	0,2	2,7	1,9	2,3	-	-	1,7	5,5
	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	44,2	0,4	0,2	25,2	0,2	6,6	0,8	4,1	0,6	0,6	0,3	2,0	0,1	0,5	2,9
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	165,84	5,0	10,4	11,1	5,6	14,4	58,1	2,5	19,6	5,9	9,0	5,5	4,7	5,2	9,0
	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	597,2	2,2	0,5	2,4	0,4	0,67	580,6	0,1	-	0,1	-	-	9,5	-	0,7
	Đất công trình năng lượng	DNL	20,2	-	0,02	0,31	0,03	-	0,4	0,5	0,12	0,01	0,02	18,3	0,5	0,1	-
	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	5,0	-	0,1	-	-	-	0,8	0,8	2,9	-	0,01	0,3	-	0,02	0,1
	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Đất cổ di tích lịch sử - văn hóa	DDT	7,8	-	-	-	-	-	-	0,1	-	7,7	-	-	-	-	-
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	15,3	0,5	-	-	-	0,2	-	-	0,6	-	-	2,8	11,1	-	0,1
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	33,8	2,4	4,5	3,7	0,6	4,4	2,0	7,3	1,2	0,7	0,1	-	3,4	3,2	0,4
	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	31,11	0,84	2,05	0,20	0,1	3,90	19,5	-	0,26	1,04	1,4	-	0,10	1,20	0,51
	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	1,14	-	-	-	-	-	-	-	1,1	-	-	-	-	-	-
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	1,2	-	-	-	-	-	-	0,7	0,0	0,4	-	-	-	-	-
	Đất chợ	DCH	9,1	0,2	-	-	0,2	-	3,6	0,9	1,5	-	0,1	2,0	0,1	0,2	0,5
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	5,56	0,4	0,4	0,4	0,4	0,5	0,7	0,2	0,9	0,2	0,7	0,1	0,2	0,4	0,2
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	275,68	11,9	4,6	9,4	1,5	13,0	159,8	3,1	1,0	1,0	3,2	61,5	2,9	1,4	1,5

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính													
				Chánh Mỹ	Chánh Nghĩa	Định Hòa	Hiệp An	Hiệp Thành	Hòa Phú	Phú Cường	Phú Hòa	Phú Lợi	Phú Mỹ	Phú Tân	Phú Thọ	Tân An	Tương Bình Hiệp
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	3.324,5	268,2	175,1	162,0	175,2	255,8	680,6	119,6	299,6	172,9	237,8	298,3	125,2	228,7	125,5
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	34,0	1,7	1,0	0,6	1,5	3,8	10,3	4,8	1,2	3,6	0,5	2,7	0,3	1,5	0,4
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,9	-	0,1	-	-	-	-	0,1	0,1	1,5	-	-	0,1	-	-
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	15,1	0,3	0,4	1,9	0,8	0,2	-	-	1,1	0,8	3,6	-	0,9	4,9	0,3
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	407,0	100,6	32,4	8,1	12,0	3,2	7,7	20,4	24,2	0,0	0,7	0,0	31,2	135,9	30,6
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	17,43	-	-	-	-	1,7	15,3	-	-	-	-	-	-	0,4	-
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>															

### 3.3. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Tổng diện tích cần chuyển mục đích trong năm 2022 là 98,42ha. Trong đó:

- Chuyển mục đích từ đất nông nghiệp thành đất phi nông nghiệp là 71,72ha.

- Chuyển mục đích trong nội bộ nhóm đất phi nông nghiệp là 26,70ha.

**Bảng 11: Danh mục công trình chuyển mục đích sử dụng đất**

*Đơn vị tính: ha*

STT	Hạng mục công trình	Mã QH	Diện tích	Sử dụng vào loại đất	Vị trí	Phường
1	Khu nhà ở thương mại dịch vụ Phú Mỹ của Công ty CP lâm sản và xuất nhập khẩu Bình Dương	ODT	4,39	CLN	Tờ bản đồ số 10-1	Phú Mỹ
2	Khu nhà ở thương mại dịch vụ SaBinCo - Trương Bình Hiệp	ODT	5,19	CLN	Tờ bản đồ số 10-9;10-10; 11-1; 11-2	Trương Bình Hiệp
3	Khu nhà ở Suối Giữa của Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Á Châu	ODT	9,3	ODT	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 21;23 và các thửa đất thuộc tờ bản đồ 13-2; 14	Chánh Mỹ, Trương Bình Hiệp
4	Khu chung cư cao tầng Bình Dương của Công ty cổ phần BĐS thương mại HTC	ODT	0,79	ODT, CLN		Phú Hòa
5	Khu phức hợp Thương mại và căn hộ cao cấp Vạn Xuân Bình Dương	ODT	1,01	ODT, CLN		Phú Hòa
6	Khu nhà ở Hoàng Gia ( Royal Center) của công ty TNHH Đầu tư và xây dựng Hoàng Gia Phúc	ODT	2,34	ODT, CLN, HNK	Thửa đất số 554, tờ bđ 14; thửa 118,119 tờ BĐ 38	Hiệp An
7	Chung cư Hiệp Thành của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Hiệp Thành City		2,06	ODT, CLN, HNK	Thửa đất số 251, 253, 254, 256, 257, 312, 313, 503, 578, 580, 794, 798, 825, 826, 829, 830, 882, tờ bản đồ số 7; Thửa đất số 595, 596 tờ bản đồ số 8	Hiệp Thành
8	Khu chung Phú Thọ Quốc Cường của công ty cổ phần Chánh Nghĩa Quốc Cường		0,56	ODT		Phú Thọ
9	Chung cư Bình Dương Center của Công ty Cổ phần Bất động sản Thủ Dầu Một		0,62	ODT, CLN	Thửa đất số 150, 91, tờ bản đồ số 29	Chánh Nghĩa
10	Dự án khu đô thị và dịch vụ Hòa phú		26,70	SKK		Hòa Phú
11	Chung cư Minh Quốc Legend Complex		1,64	CLN, BHK	Thửa đất số 1764, 1747,	Phú Mỹ



<b>STT</b>	<b>Hạng mục công trình</b>	<b>Mã QH</b>	<b>Diện tích</b>	<b>Sử dụng vào loại đất</b>	<b>Vị trí</b>	<b>Phường</b>
					1743 TBD 13-3, thửa 480, 513 TBD 14-1	

**Bảng 12: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022**

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính													
				Chánh Mỹ	Chánh Nghĩa	Định Hòa	Hiệp An	Hiệp Thành	Hòa Phú	Phú Cường	Phú Hòa	Phú Lợi	Phú Mỹ	Phú Tân	Phú Thọ	Tân An	Tương Bình Hiệp
(1)	(2)	(3)	(4) = (5) + ... (18)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
	<b>Tổng</b>		<b>98,42</b>	<b>3,30</b>	<b>5,50</b>	<b>5,00</b>	<b>6,50</b>	<b>6,50</b>	<b>26,70</b>	<b>0,50</b>	<b>7,20</b>	<b>4,50</b>	<b>14,03</b>	<b>-</b>	<b>4,50</b>	<b>5,00</b>	<b>9,19</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	<b>NNP/PNN</b>	<b>71,72</b>	<b>3,30</b>	<b>5,50</b>	<b>5,00</b>	<b>6,50</b>	<b>6,50</b>	<b>-</b>	<b>0,50</b>	<b>7,20</b>	<b>4,50</b>	<b>14,03</b>	<b>-</b>	<b>4,50</b>	<b>5,00</b>	<b>9,19</b>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	27,95	2,00	1,00	3,00	4,00	3,50		0,31	3,00	3,00	1,64		2,50	2,00	2,00
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	43,77	1,30	4,50	2,00	2,50	3,00		0,19	4,20	1,50	12,39		2,00	3,00	7,19
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>	<b>NNP/NNP</b>	<b>-</b>														
<b>3</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN/PNN</b>	<b>26,70</b>						<b>26,70</b>								

*Đơn vị tính: ha*

### **3.4. Diện tích đất cần thu hồi**

Căn cứ Điều 61 và Khoản 1, 2 Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013 quy định các dự án, công trình cần phải thực hiện thu hồi đất, trong năm 2022 trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một cần thu hồi 200,74ha để thực hiện các công trình phát triển hạ tầng, an ninh, quốc phòng và phát triển kinh tế - xã hội cụ thể như sau:

- Diện tích đất nông nghiệp phải thu hồi là 149,47ha.
- Diện tích đất phi nông nghiệp phải thu hồi là 50,27ha.

**Bảng 13: Kế hoạch thu hồi đất năm 2022 thành phố Thủ Dầu Một**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính													
			Chánh Mỹ	Chánh Nghĩa	Định Hòa	Hiệp An	Hiệp Thành	Hòa Phú	Phú Cường	Phú Hòa	Phú Lợi	Phú Mỹ	Phú Tân	Phú Thọ	Tân An	Tương Bình Hiệp
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>	<b>200.74</b>	<b>88.53</b>	<b>15.52</b>	<b>6.30</b>	<b>10.86</b>	<b>1.15</b>	<b>0.30</b>	<b>1.11</b>	<b>22.68</b>	<b>28.61</b>	<b>4.00</b>	<b>0.64</b>	<b>1.62</b>	<b>7.09</b>	<b>12.34</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>156.14</b>	<b>79.89</b>	<b>14.07</b>	<b>5.20</b>	<b>9.30</b>	<b>0.42</b>	<b>0.20</b>	<b>0.15</b>	<b>20.55</b>	<b>5.34</b>	<b>2.34</b>		<b>1.08</b>	<b>6.75</b>	<b>10.85</b>
	Trong đó:															
1.1	Đất trồng lúa															
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước															
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	40.54	29.30	1.79		4.00										5.45
1.3	Đất trồng cây lâu năm	115.60	50.59	12.28	5.20	5.30	0.42	0.20	0.15	20.55	5.34	2.34		1.08	6.75	5.40
1.9	Đất nông nghiệp khác															
<b>2.0</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>44.61</b>	<b>8.64</b>	<b>1.45</b>	<b>1.10</b>	<b>1.56</b>	<b>0.73</b>	<b>0.10</b>	<b>0.96</b>	<b>2.13</b>	<b>23.27</b>	<b>1.66</b>	<b>0.64</b>	<b>0.54</b>	<b>0.34</b>	<b>1.49</b>
	Trong đó:															
2.1	Đất quốc phòng	23.07									23.07					
2.2	Đất an ninh															
2.3	Đất khu công nghiệp															
2.40	Đất cụm công nghiệp															
2.50	Đất thương mại, dịch vụ															
2.60	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp															
2.70	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản															
2.80	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm															
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã															
	Trong đó:															
	Đất giao thông	0.38					0.10		0.10	0.08	0.10					
	Đất thủy lợi															

	Đất xây dựng cơ sở văn hóa															
	Đất xây dựng cơ sở y tế															
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	0.10	0.10													
	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao															
	Đất công trình năng lượng	0.64										0.64				
	Đất công trình bưu chính, viễn thông															
	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia															
	Đất có di tích lịch sử - văn hóa															
	Đất bãi thải, xử lý chất thải															
	Đất cơ sở tôn giáo															
	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	0.74		0.74												
	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ															
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội															
	Đất chợ															
2.10	Đất danh lam thắng cảnh															
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	0.51	0.03			0.48										
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng															
2.13	Đất ở tại nông thôn															
2.14	Đất ở tại đô thị	18.66	8.51	0.71	1.10	1.08	0.62	0.10	0.36	2.05	0.10	1.66		0.54	0.34	1.49
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0.50							0.50							
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp															
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao															
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	0.01					0.01									
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối															
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng															
<b>2.21</b>	<b>Đất phi nông nghiệp khác</b>															

**Bảng 14: Danh mục công trình, dự án thu hồi đất năm 2022**

STT	Hạng mục công trình	Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí	Phường
1	Công an phường Chánh Mỹ	0,13	DGD; DSH	Thửa đất số 2322, 1687, tờ bản đồ số 52	Chánh Mỹ
2	Lữ đoàn 729 - Bộ tư lệnh công binh	23,07	CQP	Tờ bản đồ số 6, 7, 13, 14	Phú Lợi
3	Thay dây dẫn đường dây 110kV Tân Định - Gò Đậu (phát sinh thu hồi đất trụ móng)	0,05	CLN	Công trình dạng tuyến	Phú Thọ, Chánh Nghĩa
4	Khu đô thị sinh thái Chánh Mỹ (giai đoạn 1)	14,03	HNK, CLN; ODT	Nằm xen kẽ trong dự án	Chánh Mỹ
5	Khu dân cư Phú Thuận	5,34	CLN	Tờ bản đồ số 04	Phú Lợi
6	Cải tạo, mở rộng Đại Lộ Bình Dương (Quốc Lộ 13) [Tên khác: Giải phóng mặt bằng QL 13 (đoạn từ nút giao Tự Do đến ngã tư Lê Hồng Phong)]	1,32	ODT+CLN	Công trình dạng tuyến	Phú Hòa
7	Khu dân cư Võ Minh Đức	10,40	CLN+HNK	Khu dân cư Võ Minh Đức	Chánh Nghĩa
8	Dự án giải phóng mặt bằng trực thoát nước Bung bíp - Suối Cát	19,0	ODT, CLN	Tờ bản đồ 35; 35-1; 40; 40-2; 43; 48; 51; 52; 56; 57; 60; 63; 64; 65; 66; 69; 70	Phú Hòa
9	Đầu tư giải quyết điểm ngập đoạn ngã 3 công đường Thích Quảng Đức (từ ngã 3 Công đến cầu bà Hên)	0,13	ODT+CLN	Công trình dạng tuyến (từ ngã ba Công đến cầu Bà Hên)	Phú Cường
10	Dự án gia cố khu sạt lở KDC Huỳnh Long	0,89	ODT+CLN	Công trình dạng tuyến	Tương Bình Hiệp
11	Khu đô thị sinh thái Chánh Mỹ (giai đoạn 2) Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và Đô thị	47,58	ODT, CLN, HNK	Tờ bản đồ 89; 90; 91; 94	Chánh Mỹ
12	Mở mới và thu hồi đất vùng phụ cận đường Đê bao dọc rạch Bà Cô	13,93	CLN, ODT	Công trình dạng tuyến	Chánh Mỹ
13	Cải tạo, mở rộng vỉa hè đường Ngô Gia Tự( từ ĐLBD đến ranh khu đô thị Chánh Nghĩa)	0,81	ODT+CLN	Dạng tuyến	Chánh Nghĩa
14	Đường vào khu dân cư Hiệp Thành 1	0,32	ODT+CLN	Dạng tuyến	Hiệp Thành
15	Đường D4( từ đường Lê Hồng Phong đến đường N4 nối dài)	0,53	ODT+CLN	Dạng tuyến	Phú Thọ
16	Đường N8-N10 (từ đường LHP đến đường NTMK)	2,08	ODT+CLN	Dạng tuyến	Phú Hòa
17	Nâng cấp, mở rộng đường Huỳnh Thị Hiếu (từ	6,38	ODT+CLN	Dạng tuyến	Tân An

STT	Hạng mục công trình	Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí	Phường
	đường PDL đến đường NCT)				
18	Mở mới đường phân khu D13 ( từ Phạm Ngọc Thạch đến N13) phường Phú Mỹ	1,76	ODT+CLN	Dạng tuyến	Phú Mỹ
19	NC, MR đường Nguyễn Văn Cừ ( từ đường HVC đến Rạch nhà Thờ)	6,56	CLN, ODT	Dạng tuyến	Chánh Mỹ
20	NC, MR đường An Mỹ - Phú Mỹ (từ đường Huỳnh Văn Lũy đến đường ĐX 02)	0,57	ODT+CLN	Dạng tuyến	Phú Mỹ
21	NC, MR đường vào khu tái định cư Phường Phú Mỹ ( khu 1)	0,57	ODT+CLN	Dạng tuyến	Phú Mỹ
22	NC, MR đường Nguyễn An Ninh	0,28	ODT+CLN	Dạng tuyến	Phú Cường
23	Xây dựng công viên công cộng (giữa 2 Rạch Thỏ Ngừ)	2,44	CLN	giữa 2 Rạch Thỏ Ngừ	Chánh Nghĩa
24	Nâng cấp, cải tạo trường THCS Chánh Nghĩa	0,50	CLN		Chánh Nghĩa
25	Đường tổ 61, khu 8 (từ 30/4 đến đường Lê Hồng Phong) phường Phú Thọ	0,96	ODT+CLN	Dạng tuyến	Phú Thọ
26	Xây dựng, cải tạo và sửa chữa Trạm y tế liên phường ( Tân An - Hiệp An - Định Hòa)	0,42	CLN		Tân An
27	Xây dựng công viên giao lộ CMT8-Ngô Quyền	0,50	TSC	Thửa đất số 411, 2032, 1080, 967, 1058; 975, 974, 973, 972, 1342, 174, 141, 1139, 144, 141, tờ bản đồ số 133, 131	Phú Cường
28	Khu vực Thành ủy - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một (cũ)	0,01	TIN	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 56, 63, 63-1, 66, 63-2, 66	Hiệp Thành
29	Xây dựng hầm chui tại nút giao ngã tư chợ đình	0,78	ODT+CLN		Phú Lợi, Hiệp Thành, Phú Cường, Phú Hòa
30	Trạm 110 kV T3 và đường dây 110kV T3 trạm 220kV Tân Định	0,64	DNL		Phú Tân
31	Mở mới và thu hồi đất vùng phụ cận đường Tạo lực 6 nối dài	4,86	ODT+CLN		Hiệp An
32	Xây dựng đường giao thông từ ngã 3 đường Nguyễn Tri Phương - Bùi Quốc Khánh ra sông Sài Gòn	0,61	ODT+CLN	ngã 3 đường Nguyễn Tri Phương - Bùi Quốc Khánh ra sông Sài Gòn	Chánh Nghĩa
33	Nâng cấp, mở rộng đường An Mỹ - Phú Mỹ	1,10	ODT+CLN	từ đường Huỳnh Văn Lũy	Phú Mỹ

STT	Hạng mục công trình	Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí	Phường
	(từ đường Huỳnh Văn Lũy đến đường ĐX 02)			đến đường ĐX 02	
34	Công viên, hoa viên cây xanh đường ĐX 138	0,24	ODT+CLN		Tân An
35	Văn phòng khu phố 1	0,05	CLN		Tân An
36	Trục thoát nước suối Giữa (đoạn từ sau trạm thu phí đến cầu Bà Cô gồm cả rạch Bung Cầu)	24,30	ODT+CLN		Định Hòa, Hiệp An, Trương Bình Hiệp, Chánh Mỹ
37	Đầu tư giải quyết điểm ngập lưu vực rạch Ông Đành	0,62	ODT+CLN		Hiệp Thành
38	Trạm 110kV Định Hòa và đường dây đấu nối	0,60	ODT+CLN		Định Hòa, Hòa Phú
39	Mạch 2 đường dây 110kV Thuận An - Gò Đậu	0,20	ODT+CLN		Phú Thọ, Phú Hòa
40	Công viên trước khu vực trường Chính Trị	0,74	NTD	1 phần thửa 38, 39 tờ bản đồ số 38	Chánh Nghĩa
41	Bảo tồn làng nghề sơn mài Trương Bình Hiệp	5,45	BHK	Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 52	Trương Bình Hiệp
<b>B</b>	<b>Công trình thu hồi phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất</b>				
1	Khu vực Thành ủy - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một (cũ)	3,96	TSC, DGD, ODT, CLN	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 56, 63, 63-1, 66, 63-2, 66	Hiệp Thành
<b>C</b>	<b>Công trình, dự án giao đất, cho thuê đất</b>				
1	Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP	4,10	CLN	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 85, 93, 94	Chánh Mỹ
2	Khu nhà ở, tái định cư Hoà Lợi của Công ty Liên doanh TNHH Công nghiệp Viện Nam-Singapore	0,12	ODT	Thửa đất số 14, 15, 17, 1089, 1090 tờ bản đồ số 22, 28	Hòa Phú
3	Khu nhà ở, tái định cư Hoà Phú của Công ty Liên doanh TNHH Công nghiệp Viện Nam-Singapore	14,4	ODT	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 22, 28	Hòa Phú

#### 4.5. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất:

- Căn cứ Luật đất đai 2013,



- Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Căn cứ Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

- Căn cứ Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về việc thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Căn cứ Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Căn cứ Nghị định 96/2019/NĐ-CP ngày 19/12/2019 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

- Căn cứ quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của UBND tỉnh Bình Dương về việc Quy định hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

- Căn cứ quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Bình Dương về Ban hành Quy định Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Trên cơ sở danh mục công trình, dự án đưa vào thực hiện trong kế hoạch năm 2022 trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một, dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai như sau:

**- Khoản thu: 1.973,4 tỷ đồng, gồm các nguồn thu sau:**

+ Thu tiền chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất ở: 1.968,4 tỷ đồng.

+ Các khoản thu khác (các khoản thuế, lệ phí trước bạ): 5 tỷ đồng.

**- Khoản chi: 1.078,8 tỷ đồng, gồm các khoản chi sau:**

+ Chi đền bù đất nông nghiệp và các khoản hỗ trợ: 519,0 tỷ đồng.

+ Chi đền bù đất ở và tái định cư: 559,8 tỷ đồng.

**- Cân đối: thu – chi = 894,6 tỷ đồng**

**Bảng 15: Khái toán các khoản thu, chi đến đất đai năm 2022**

STT	Hạng mục	Diện tích	Đơn giá	Thành tiền
		(ha)	(đồng/m <sup>2</sup> )	(tỷ đồng)
<b>I</b>	<b>Tổng thu</b>			<b>1.973,4</b>
1	Thu tiền từ chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở	98,42	2.000.000	1.968,4
2	Thu tiền từ chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất thương mại dịch vụ			
3	Các khoản thu khác (lệ phí trước bạ, thuế chuyển quyền)			5

	sử dụng đất)			
<b>II</b>	<b>Tổng chi</b>			<b>1.078,8</b>
1	Chi đền bù đất nông nghiệp và các khoản hỗ trợ	25,95	2.000.000	519,0
2	Chi đền bù đất ở, tái định cư	18,66	3.000.000	559,8
	<b>Cân đối thu chi (I-II)</b>			<b>894,6</b>

#### **IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

##### **4.1. Các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường**

- Những nơi địa hình thấp trũng cần giữ lại diện tích không gian một cách hợp lý để trữ nước và chống ngập, hết sức hạn chế việc san lấp sông rạch. Tại các khu dân cư mới, bắt buộc các nhà đầu tư phải xây dựng hồ điều tiết nước để chống ngập và cải tạo môi trường, cảnh quan.

- Thực hiện tốt công tác đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư, kiên quyết loại bỏ các dự án không đáp ứng yêu cầu về môi trường. Kiểm tra, giám sát chặt chẽ nguồn xả thải của các doanh nghiệp sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường để kịp thời xử lý và khắc phục.

- Có chế tài xử phạt đối với các trường hợp vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, có nguy cơ làm thoái hóa đất đai.

##### **4.2. Các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất**

- Khi kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Thủ Dầu Một được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt phải tiến hành công bố, công khai trên trang thông tin điện tử và tại trụ sở UBND thành phố, phòng Tài nguyên và Môi trường. Đồng thời thông báo rộng rãi trên đài phát thanh, truyền hình thành phố; các phường để người sử dụng đất biết và thực hiện.

- Bố trí đầy đủ, phân bổ kinh phí, xây dựng cơ chế thông thoáng, có chính sách hỗ trợ để các nhà đầu tư thực hiện các dự án đúng kế hoạch.

- Bám sát kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong quản lý nhà nước về đất đai. Nắm bắt các phát sinh khách quan về nhu cầu sử dụng đất để bổ sung, điều chỉnh kịp thời; phát hiện những bất hợp lý trong sử dụng đất của từng ngành để có những tác động kịp thời, tránh và hạn chế tiêu cực trong quá trình sử dụng đất.

##### **4.3. Trách nhiệm của các ngành, các cấp, các đối tượng quản lý sử dụng đất.**

- Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường giám sát trực tiếp việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo phê duyệt, hàng năm phải tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022. Tham mưu cho UBND thành phố ra các quyết định,

xử lý các vấn đề liên quan đến việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các phường thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 theo luật định.

- Ủy ban nhân dân phường căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố đã được phê duyệt để triển khai thực hiện công tác quản lý đất đai trên địa bàn theo đúng các quy định của Luật Đất đai.

- Các ban, ngành bám sát kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố đã được phê duyệt để tổ chức thực hiện, đôn đốc các tổ chức sử dụng đất do ngành quản lý thực hiện các thủ tục về đất đúng kế hoạch. Trường hợp có phát sinh các nhu cầu về đất, cần tiến hành các thủ tục đăng ký, xin chủ trương và sẽ bổ sung vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022.

- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn cần nhanh chóng tiến hành các thủ tục theo quy định để được giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với kế hoạch sử dụng đất năm 2022 đã được phê duyệt.

## **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thành phố Thủ Dầu Một được xây dựng theo đúng quy định tại Thông tư số 01/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2022 thành phố Thủ Dầu Một được xây dựng trên cơ sở các nghiên cứu về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội gắn liền với thực trạng và chiến lược phát triển kinh tế xã hội của thành phố hiện nay và định hướng phát triển của Tỉnh.

Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2022 thành phố Thủ Dầu Một được xây dựng trên cơ sở kết quả đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của các ngành, các cấp có liên quan đến sử dụng đất trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một; Chủ trương cho phép thực hiện các công trình, dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh; Kế hoạch đầu tư công trong năm 2022 trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một; đồng thời cân nhắc khả năng đầu tư thực hiện trong năm 2022, dự báo nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp và phi nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân trong năm 2022. Vì vậy khả năng thực hiện có tính khả thi cao.

Kết quả nghiên cứu xây dựng kế hoạch sử dụng đất đã dự báo được nhu cầu sử dụng đất các ngành, các lĩnh vực đến quy mô từng công trình, dự án phân bố trên từng phường; tổng hợp thành hệ thống các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2022 theo quy định của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường; đồng thời xây dựng bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2022 ở tỷ lệ 1/10.000, sơ đồ vị trí các công trình, dự án thực hiện trong năm 2022 làm cơ sở để tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt.

Sau khi được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt, UBND thành phố Thủ Dầu Một trực tiếp chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường tiến hành công bố, công khai kế hoạch sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành.

UBND tỉnh, các Sở, ngành quan tâm hỗ trợ, bố trí nguồn vốn kịp thời để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật như: giao thông, giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao,... nhằm tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống của nhân dân.

## PHỤ LỤC

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu
1	Biểu 01/CH	Hiện trạng sử dụng đất thành phố Thủ Dầu Một năm 2021
2	Biểu 02/CH	Kết quả thực hiện KHSD đất năm 2021 Tp. phố Thủ Dầu Một
3	Biểu 06/CH	Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Thủ Dầu Một
4	Biểu 07/CH	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 của Tp. Thủ Dầu Một
5	Biểu 08/CH	Kế hoạch thu hồi đất năm 2022 của Tp. Thủ Dầu Một
6	Biểu 09/CH	Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2022 của Tp. Thủ Dầu Một
7	Biểu 10/CH	Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm 2022 của Tp. Thủ Dầu Một
8	Biểu 13/CH	Chu chuyển đất đai trong kỳ kế hoạch năm 2022 của Tp. Thủ Dầu Một